

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐÔNG HOA LƯ'
TRƯỜNG MẦM NON NINH PHÚC**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2025 - 2026**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
01	Bà Đàm Thị Thu	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
02	Bà Đỗ thị Đào	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
03	Bà Phạm Thị Vân	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
04	Bà Nguyễn Thị Bình	KT- TTVP	Thư ký hội đồng	
05	Bà Trần Thị Phương Lan	TTCM Mẫu giáo	Ủy viên hội đồng	
06	Bà Lã Thị Liêm	TPCM Mẫu giáo	Ủy viên hội đồng	
07	Bà Khiếu Thị Tươi	TTCMNT	Ủy viên hội đồng	
08	Bà Lã Thị Hương	Nhân viên y tế	Ủy viên hội đồng	
09	Bà Phạm thị Yến	TP CMMG	Ủy viên hội đồng	
10	Bà Kim Thị Phụng	TPCMNT	Ủy viên hội đồng	
11	Bà Vũ Thị Huyền	Giáo Viên	Ủy viên hội đồng	
12	Bà Lương Thuỳ Dương	Giáo Viên	Ủy viên hội đồng	
13	Bà Vũ Thị Hậu	Giáo Viên	Ủy viên hội đồng	
14	Bà Điền Thị Linh	Giáo Viên	Ủy viên hội đồng	

ĐÔNG HOA LƯ' - NĂM 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	2
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	7
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	7
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
I. Nhóm tiêu chí chuyển đổi số trong dạy học	11
I. Tiêu chí 1: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	11
Mở đầu	11
<i>Kết luận về nhóm tiêu chí chuyển đổi số trong dạy, học</i>	14
II. Tiêu chí 2: Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 2.1: Quản lý thông tin trẻ em	15
Tiêu chí 2.2: Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em	17
Tiêu chí 2.3: Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	18
Tiêu chí 2.4: Quản lý thông tin y tế trường học.	20
Tiêu chí 2.5: Quản lý thông tin phổ cập giáo dục.	21
Tiêu chí 2.6: Quản lý thông tin tài sản, tài chính	23
Tiêu chí 2.7: Quản lý văn bản điện tử	25
Tiêu chí 2.8: Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hằng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ	26
Tiêu chí 2.9: Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ	28
Tiêu chí 2.10: Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường.	30
Tiêu chí 2.11: Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng.	31
Tiêu chí 2.12: Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GDĐT quản lý)	33
Tiêu chí 2.13: Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	34
<i>Kết luận triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</i>	36
III. Tiêu chí 3: Triển khai dịch vụ trực tuyến.	37

Mở đầu	37
Tiêu chí 3.1: Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến	37
Tiêu chí 3.2: Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục	39
Tiêu chí 3.3: Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	40
<i>Kết luận triển khai dịch vụ trực tuyến</i>	41
IV. Tiêu chí 4: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số	42
Mở đầu	42
Tiêu chí 4.1: Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	42
Tiêu chí 4.2: Lệ giáo viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số	44
<i>Kết luận phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số</i>	46
V. Tiêu chí 5: Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	46
Mở đầu	46
Tiêu chí 5.1: Tỷ lệ phòng học có thiết bị hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet	46
Tiêu chí 5.2: Máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non	48
<i>Kết luận hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</i>	49
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	49
Phần IV. PHỤ LỤC	
Bảng 1: Danh mục mã thông tin minh chứng	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Công nghệ thông tin	CNTT
Chuyển đổi số	CĐS
Cán bộ , giáo viên, nhân viên	CBGVNV
Ủy ban nhân dân	UBND
Cơ sở dữ liệu	CSDL
Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	TNCSHCM
Tự đánh giá	TĐG
Phần mềm quản lý nhà trường	SMAS
Phần mềm cán bộ công chức viên chức	CBCCVC
Phần mềm kế toán	MiSA
Phần mềm tính khẩu phần ăn	PMS
Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**1. Kết quả đánh giá**

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Kết quả đạt)

Đánh giá tiêu chí

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Tiêu chí 1			x
Tiêu chí 2			x
Tiêu chí 3			x
Tiêu chí 4			x
Tiêu chí 5			x

Kết quả: Đạt mức độ 3

2. Kết luận: Đạt mức độ 3

Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên trường: Trường Mầm non Ninh Phúc

Cơ quan chủ quản: UBND phường Đông Hoa Lư.

Tỉnh	Ninh Bình	Họ và tên hiệu trưởng	Đàm Thị Thu
Phường	Đông Hoa Lư	Điện thoại	0912797274
		Fax	
Đạt CQG	Mức độ 2 Năm 2023	Website	https://c0ninhphuc.ninhbinh.edu.vn/wp-admin/edit.php
Đạt KĐCLGD	Cấp độ 3 năm 2023		
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	Năm 1999	Số điểm trường	02
Công lập	Công lập	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Email	Phuocchungninhphuc@gmail.com	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài		Đạt mức độ chuyển đổi số	Mức độ 3

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

1.1. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG tháng 3/2026

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1				1	
Phó hiệu trưởng	2	2				2	
Giáo viên	26	26			2	24	
Nhân viên	2	2				2	
NV nuôi dưỡng	6	6			6		
Bảo vệ	2				2		
Cộng	39	37			10	29	

1.2. Số học sinh

- Tổng số học sinh: 297 trẻ

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

- 31/31 cán bộ, giáo viên, nhân viên kế toán, y tế trong trường.

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

Nhà trường đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành và triển khai các hoạt động chuyển đổi số trong nhà trường. Hệ thống máy tính và thiết bị văn phòng cơ bản đáp ứng yêu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy.

STT	Nội dung	Số lượng
1	Hệ thống kết nối Internet	02 modem; 14 bộ phát wifi lắp đặt tại các lớp và các bộ phận, đảm bảo phủ sóng wifi trong khuôn viên trường
2	Máy tính	07 máy
3	Máy in	05 máy in Canon 2900
4	Máy chiếu	04 máy
5	Màn hình hiển thị	01 cái
6	Tivi thông minh	13 cái
7	Hệ thống trang web, cổng thông tin điện tử, các phần mềm	Nhà trường đã triển khai website, cổng thông tin điện tử và các phần mềm phục vụ công tác quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

4. Các số liệu khác (nếu có)

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non Ninh Phúc được thành lập năm 1999, đến tháng 12/2010 trường được chuyển đổi từ loại hình trường Mầm non bán công sang trường Mầm non công lập theo Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 15/12/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình, trường có tổng diện tích 7.447,2m² gồm 2 khu, khu trung tâm Phúc Trung với tổng diện tích 5.479m², trong đó diện tích xây dựng là 1.760,3m², diện tích đất sân vườn là 3719,2m². Khu Yên Phúc với tổng diện tích 1968,2m², trong đó diện tích đất xây dựng 1144m², diện tích đất sân vườn là 824,2m². Với 13 phòng học, 7 phòng phục vụ học tập, 7 phòng hành chính quản trị và 4 phòng phụ trợ, có đầy đủ các trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới của ngành học và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Nhà trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào tháng 10 năm 2010 theo Quyết Định số 437/QĐ-CT của UBND tỉnh Ninh Bình; được công nhận chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo Quyết Định 374/QĐ-UBND tỉnh Ninh Bình ngày 15/7/2016; được Sở GDĐT kiểm tra, đánh giá, công nhận trường đạt chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết Định số 245/QĐ-SGDĐT vào tháng 04/2015; Tháng 6/2023, trường được công nhận lại chuẩn Quốc gia mức độ 2 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Nhà trường có cơ cấu tổ chức theo Điều 8, Điều lệ trường mầm non, gồm: Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng, Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng tư vấn (Hội đồng sáng kiến, Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường,..), Chi bộ Đảng cộng sản Việt Nam, Chi đoàn TNCSHCM, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng, các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo. Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có 297 trẻ/12 nhóm, lớp với 39 CBGVNV (03 cán bộ quản lý, 26 giáo viên, 10 nhân viên); 93,1% cán bộ, giáo viên có trình độ Đại học trở lên. Đội ngũ giáo viên yêu nghề mến trẻ, có kinh nghiệm trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, đạt nhiều giải cao trong các hội thi của ngành, cấp thành phố.

Qua 26 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã không ngừng thay đổi cả về quy mô trường lớp và chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Nhiều năm liền, nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, được chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen năm 2017-2018; 2020-2021; 2022-2023; Năm học 2018- 2019 trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc Nhà trường đã, đang ngày càng khẳng định vị thế và uy tín trước các cấp lãnh đạo và nhân dân.

2. Mục đích tự đánh giá (TĐG)

2.1. Xác định mức độ đáp ứng của Trường Mầm non Ninh Phúc đối với các mục tiêu chuyển đổi số trong từng giai đoạn; làm cơ sở xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, duy trì và nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường; đồng thời thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng mức độ chuyển đổi số của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước xem xét, đánh giá.

2.2. Khuyến khích việc đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ chuyển đổi số trong nhà trường; góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho Trường Mầm non Ninh Phúc không ngừng nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua ứng dụng công nghệ số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của ngành giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

2.3. Thông qua công tác tự đánh giá chuyển đổi số, công tác quản lý, điều hành của nhà trường ngày càng chặt chẽ, khoa học và hiệu quả. Công tác TĐG thể hiện rõ tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong việc tổ chức và triển khai các hoạt động chuyển đổi số. Qua đó, nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong nhà trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Sau khi nghiên cứu Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non; Các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh. Ban Giám hiệu Trường Mầm non Ninh Phúc đã tổ chức triển khai công tác tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025–2026 theo đúng quy trình, đảm bảo tính dân chủ, công khai, khoa học và phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường.

Công tác tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường được thực hiện đúng quy trình theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm 06 bước, cụ thể như sau:

- Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá mức độ chuyển đổi số.
 - Bước 2. Xây dựng và ban hành kế hoạch tự đánh giá mức độ chuyển đổi số.
 - Bước 3. Thu thập, xử lý, phân tích và mã hóa các minh chứng theo các tiêu chí, chỉ số của Bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non.
 - Bước 4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí, chỉ số chuyển đổi số.
 - Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá mức độ chuyển đổi số.
 - Bước 6. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.
- Hiệu trưởng nhà trường đã ban hành Quyết định số 40/QĐ-TrMN ngày

17/03/2026 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá mức độ chuyển đổi số, gồm 14 thành viên do đồng chí Đàm Thị Thu- Hiệu trưởng nhà trường làm Chủ tịch Hội đồng, chịu trách nhiệm chỉ đạo chung và tổ chức thực hiện toàn bộ hoạt động tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường.

Hội đồng tự đánh giá xây dựng kế hoạch tự đánh giá, tổ chức họp triển khai, phổ biến nội dung, quy trình và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Hội đồng TĐG gồm 5 nhóm công tác, mỗi nhóm chịu trách nhiệm nghiên cứu nội hàm tiêu chí, thu thập và phân tích minh chứng, đánh giá mức độ đạt được của các tiêu chí, chỉ số chuyển đổi số theo lĩnh vực được phân công.

Từ ngày 02/03/2026 đến ngày 6/3/2026: Tổ chức tập huấn về nghiệp vụ TĐG cho toàn thể CBGVNV nhà trường.

Từ ngày 9/03/2026 đến ngày 13/03/2026: Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí.

Từ ngày 16/03/2026 đến ngày 27/03/2026: Các nhóm công tác của hội đồng TĐG tiếp tục tiến hành thu thập các thông tin, minh chứng, rà soát các hoạt động giáo dục, xử lý, phân tích các thông tin minh chứng, viết phiếu đánh giá các tiêu chí, đối chiếu, so sánh kết quả TĐG với bộ tiêu chuẩn đánh giá của Bộ GDĐT, xác định mức độ đạt/không đạt của từng tiêu chí.

Từ ngày 01/4/2026 đến ngày 10/4/2026: Họp Hội đồng TĐG thảo luận về những vấn đề phát sinh từ những minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG; chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của phiếu đánh giá tiêu chí; dự thảo báo cáo TĐG.

Từ ngày 13/4/2026 đến ngày 29/4/2026: Hội đồng TĐG kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG và các nội dung liên quan, tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo TĐG, thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung, công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường, thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG, bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG.

Từ ngày 04/5/2026 đến ngày 8/5/2026: Công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường).

Hội đồng tự đánh giá đã sử dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau, trong đó phương pháp chủ yếu là khảo sát thực tế các hoạt động của nhà trường liên quan đến các tiêu chí chuyển đổi số; thu thập, tổng hợp thông tin, minh chứng; so sánh, đối chiếu và phân tích dữ liệu trong phạm vi năm học 2025 – 2026. Trong quá trình thực hiện, nhà trường sử dụng Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non (Căn cứ Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non): làm cơ sở đánh giá mức độ

chuyển đổi số của nhà trường.

3.1. Điểm mạnh

Về ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong năm học 2025 – 2026 theo đúng định hướng và yêu cầu của Bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT. Kế hoạch xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, giải pháp thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận, cá nhân trong nhà trường. Việc triển khai kế hoạch được thực hiện đồng bộ, gắn với nhiệm vụ năm học và điều kiện thực tế của đơn vị.

Về triển khai ứng dụng trong công tác quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Nhà trường đã từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị, điều hành thông qua việc sử dụng các phần mềm và công cụ số phục vụ quản lý hồ sơ, kế hoạch, công tác chuyên môn; thực hiện trao đổi thông tin, chỉ đạo điều hành kịp thời qua các nền tảng số. Trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, giáo viên đã ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức các hoạt động giáo dục, sử dụng bài giảng điện tử, hình ảnh, video, học liệu số nhằm đổi mới hình thức tổ chức, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, phù hợp với đặc thù lứa tuổi mầm non.

Về triển khai dịch vụ trực tuyến

Nhà trường thực hiện thông báo kế hoạch, chỉ tiêu, thời gian tuyển sinh thông qua các kênh trực tuyến; hướng dẫn hồ sơ tuyển sinh theo hình thức phù hợp, góp phần tạo thuận lợi cho cha mẹ trẻ và giảm các thủ tục hành chính.

Nhà trường duy trì các kênh kết nối trực tuyến nhằm trao đổi thông tin hai chiều với cha mẹ trẻ về kế hoạch hoạt động, lịch sinh hoạt, tình hình học tập, sức khỏe của trẻ; kịp thời tiếp nhận ý kiến phản hồi, qua đó tăng cường sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Nhà trường thực hiện thu các khoản dịch vụ giáo dục theo hình thức không sử dụng tiền mặt, bảo đảm công khai, minh bạch, thuận tiện cho cha mẹ trẻ và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính trong nhà trường.

Về phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

Nhà trường quan tâm bồi dưỡng, nâng cao nhận thức và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Đội ngũ cán bộ, giáo viên cơ bản có kỹ năng sử dụng máy vi tính, Internet và các phần mềm phục vụ công việc; tích cực tham gia các hoạt động tập huấn, tự học, tự bồi dưỡng nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số trong nhà trường. Nhận

thức về vai trò và tầm quan trọng của chuyển đổi số trong giáo dục mầm non từng bước được nâng cao.

VỀ HẠ TẦNG, THIẾT BỊ PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Nhà trường được trang bị hệ thống máy vi tính, máy in, máy chiếu, đường truyền Internet đáp ứng yêu cầu cơ bản cho công tác quản trị và hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Cơ sở hạ tầng và thiết bị công nghệ thông tin được khai thác, sử dụng tương đối hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nhà trường.

3.2. Điểm yếu

Một số nội dung trong triển khai chuyển đổi số của nhà trường vẫn đang trong quá trình hoàn thiện; mức độ ứng dụng và khai thác các nền tảng số giữa các bộ phận, cá nhân chưa thật sự đồng đều.

Kỹ năng sử dụng công nghệ số của một số giáo viên còn cần được tiếp tục bồi dưỡng để nâng cao hiệu quả trong hoạt động chuyên môn.

Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa hoàn toàn đồng bộ, cần tiếp tục được bổ sung, nâng cấp trong thời gian tới.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. Tiêu chí 1: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CĐS) nhằm nâng cao chất lượng trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và quản trị cơ sở giáo dục mầm non

Mở đầu:

Nhà trường đã ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong từng năm học, đảm bảo bám sát chỉ đạo của ngành và phù hợp với điều kiện thực tiễn. Kế hoạch xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và giải pháp triển khai, gắn với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và công tác quản trị nhà trường.

Nội dung kế hoạch tập trung vào việc tăng cường ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, sổ sách; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành; đồng thời phát triển năng lực ứng dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Kế hoạch cũng đề ra lộ trình thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể, làm căn cứ để tổ chức triển khai, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện.

1. Mô tả hiện trạng

Trong năm học 2025–2026, Trường Mầm non Ninh Phúc đã chủ động triển khai các chủ trương, văn bản chỉ đạo của các cấp về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số một cách nghiêm túc, đồng bộ và phù hợp với điều kiện thực tế

của nhà trường. Các văn bản chỉ đạo được tổ chức quán triệt đầy đủ, kịp thời đến 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thông qua các cuộc họp hội đồng sư phạm, sinh hoạt chuyên môn, hệ thống thông tin nội bộ, đăng tải công khai trên trang website <https://c0ninhphuc.ninhbinh.edu.vn/wp-admin/edit.php> [H1-1- 01] các nhóm Zalo, bảng tuyên truyền tại các lớp và trong khuôn viên nhà trường, bảo đảm toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nắm bắt và thực hiện thống nhất.

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo; căn cứ nhiệm vụ năm học và điều kiện thực tế của đơn vị, nhà trường đã ban hành các quyết định, quy chế và xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, cụ thể:

Quyết định số 121/QĐ-TrMN ngày 19/9/2025 của Trường Mầm non Ninh Phúc về việc thành lập Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2025–2026.

Kế hoạch số 122/KH-TrMN ngày 19/9/2025 của Trường Mầm non Ninh Phúc về việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2025–2026.

Quyết định số 122b/QĐ-TrMN ngày 19/9/2025 về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng các ứng dụng CNTT chuyển đổi số phục vụ công tác quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường.

Quyết định số 40/QĐ-TrMN ngày 17/03/2026 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025–2026.

Kế hoạch số 41/KH-TrMN ngày 17/03/2026 về việc thực hiện tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025–2026 [H1-1-02]. Tuy nhiên kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của nhà trường còn có một số nội dung cần tiếp tục được bổ sung để phù hợp hơn với quá trình triển khai và yêu cầu thực tiễn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm, chỉ đạo sát sao và chủ động trong việc ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CĐS), bảo đảm phù hợp với các văn bản chỉ đạo của các cấp và điều kiện thực tế của đơn vị. Các quyết định, kế hoạch, quy chế liên quan được xây dựng tương đối đầy đủ, ban hành kịp thời và có sự phân công trách nhiệm rõ ràng, tạo thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện.

Công tác quán triệt, tuyên truyền về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, thường xuyên, với nhiều hình thức phù hợp như họp hội đồng sư phạm, sinh hoạt chuyên môn, hệ thống thông tin nội bộ, nhóm Zalo, bảng tuyên

truyền..., qua đó nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số bước đầu đã hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý, điều hành và chuyên môn; góp phần nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và công tác quản trị nhà trường. Nhà trường đã triển khai một số dịch vụ trực tuyến, thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và tăng cường kết nối, trao đổi thông tin giữa nhà trường với cha mẹ trẻ, tạo sự đồng thuận và phối hợp chặt chẽ trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu:

Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của nhà trường còn có một số nội dung cần tiếp tục được bổ sung để phù hợp hơn với quá trình triển khai và yêu cầu thực tiễn.

4. Kế hoạch cải tiến

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục rà soát và bổ sung kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số nhằm bảo đảm phù hợp hơn với quá trình triển khai và yêu cầu thực tiễn. Các nội dung trong kế hoạch sẽ được điều chỉnh theo hướng cụ thể, rõ ràng, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý, điều hành cũng như hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và đội ngũ của nhà trường.

Nhà trường xây dựng lộ trình thực hiện phù hợp theo từng giai đoạn của năm học, đồng thời phân công trách nhiệm cụ thể cho Ban chỉ đạo, các tổ chuyên môn và cá nhân có liên quan nhằm bảo đảm việc triển khai được thống nhất, đồng bộ và hiệu quả. Bên cạnh đó, công tác bồi dưỡng, hướng dẫn và hỗ trợ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc thực hiện các nội dung ứng dụng CNTT và chuyển đổi số tiếp tục được quan tâm, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện trong thực tế.

Trong quá trình triển khai, nhà trường thường xuyên theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện kế hoạch; trên cơ sở kết quả đạt được sẽ kịp thời điều chỉnh, bổ sung các nội dung cho phù hợp, hướng tới nâng cao chất lượng quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong thời gian tới.

5. Kết luận về tiêu chí

Chỉ số	Điểm số
1	Có thực hiện
Tổng điểm	

Kết quả tiêu chí 1: Đạt mức độ 3

Kết luận về tiêu chí 1:

Qua quá trình TĐG tiêu chí 1, Trường Mầm non Ninh Phúc có những điểm nổi bật như sau:

Nhà trường đã thể hiện rõ sự chủ động, nghiêm túc trong việc triển khai các chủ trương, văn bản chỉ đạo về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; việc quán triệt, phổ biến được thực hiện kịp thời, đồng bộ, bảo đảm 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được tiếp cận, nắm bắt và thực hiện thống nhất. Công tác chỉ đạo, điều hành được quan tâm, thể hiện qua việc ban hành đầy đủ các quyết định, quy chế, kế hoạch và thành lập các bộ phận phụ trách, góp phần tạo hành lang pháp lý và nền tảng tổ chức vững chắc cho quá trình triển khai trong toàn trường.

Các nội dung ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số đã bước đầu được lồng ghép phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị, phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của đội ngũ.

Bên cạnh những điểm mạnh nổi bật, nhà trường có điểm yếu sau:

Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của nhà trường vẫn có thể tiếp tục được rà soát, bổ sung và hoàn thiện để phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn.

Tiêu chí 1: Đạt yêu cầu theo điều bắt buộc

II. Nhóm tiêu chí 2: Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Mở đầu

Nhà trường đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các hoạt động quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ bảo đảm đồng bộ, thiết thực và hiệu quả. Trong công tác quản lý, nhà trường sử dụng các phần mềm như SMAS (Viettel), Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức, phần mềm phổ cập giáo dục – xóa mù chữ trực tuyến, phần mềm kế toán MISA Mimoso và hệ thống quản lý văn bản, điều hành điện tử của tỉnh Ninh Bình, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và thực hiện chế độ báo cáo, thống kê.

Trong hoạt động nuôi dưỡng, nhà trường sử dụng phần mềm quản lý mầm non PMS để xây dựng thực đơn và tính khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ theo quy định. Đồng thời, việc trao đổi thông tin và công khai hoạt động được thực hiện qua trang Website của nhà trường.

Đối với hoạt động giáo dục, giáo viên chủ động ứng dụng các phần mềm như Canva, Microsoft PowerPoint, Audacity, YouTube, Adobe Photoshop, CorelDRAW để thiết kế bài giảng điện tử, xây dựng học liệu số, góp phần đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ.

Tiêu chí 2.1: Quản lý thông tin trẻ em

1. Mô tả hiện trạng

Trường Mầm non Ninh Phúc thực hiện quản lý thông tin trẻ em theo đúng các quy định của ngành Giáo dục, bảo đảm đầy đủ, chính xác và kịp thời. Thông tin trẻ được thu thập, cập nhật và quản lý thống nhất trên các hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu do ngành triển khai; đồng thời được lưu trữ hồ sơ giấy theo quy định hiện hành.

Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý nhà trường SMAS 4.4 (Viettel) [H2-2.1-01], để quản lý hồ sơ trẻ, theo dõi sĩ số, tình hình chuyên cần và các thông tin liên quan đến quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Dữ liệu trẻ em được cập nhật và đồng bộ trên Cơ sở dữ liệu ngành Sở Giáo dục và Đào tạo thông qua hệ thống <https://dongbo.csdl.edu.vn/dashboard> (Viettel) [H2-2.1-02], bảo đảm tính thống nhất, liên thông dữ liệu giữa nhà trường và các cấp quản lý.

Bên cạnh đó, nhà trường thực hiện cập nhật đầy đủ thông tin trẻ trên Cơ sở dữ liệu ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ <https://csdl.moet.gov.vn> [H2-2.1-03], phục vụ công tác thống kê, báo cáo và quản lý theo quy định. Đồng thời, thông tin trẻ em trong độ tuổi mầm non được cập nhật trên phần mềm phổ cập giáo dục tại địa chỉ <https://pcgd.vn/> [H2-2.1-04] nhằm đáp ứng yêu cầu theo dõi, tổng hợp số liệu phổ cập giáo dục trên địa bàn.

Việc cập nhật dữ liệu được thực hiện thường xuyên, có sự phối hợp giữa Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm và các bộ phận liên quan, bảo đảm tính chính xác, kịp thời và đồng bộ. Công tác quản lý, khai thác và sử dụng thông tin trẻ em được nhà trường thực hiện đúng quy định về bảo mật dữ liệu; phân quyền truy cập phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cá nhân. Đồng thời, việc trao đổi thông tin giữa nhà trường và cha mẹ trẻ được thực hiện thông qua các kênh phù hợp, góp phần tăng cường phối hợp trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên một số nội dung cập nhật và khai thác thông tin vẫn cần được rà soát, điều chỉnh để bảo đảm tính thống nhất và thuận tiện hơn trong quá trình sử dụng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện quản lý thông tin trẻ em bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời theo đúng quy định của ngành Giáo dục. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý được triển khai đồng bộ thông qua việc sử dụng các phần mềm và hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hồ sơ trẻ, theo dõi sĩ số, chuyên cần và quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; đồng thời bảo đảm tính liên thông dữ liệu giữa nhà trường và các cấp quản lý.

Dữ liệu trẻ em được cập nhật thường xuyên, có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban giám hiệu, giáo viên và các bộ phận liên quan, bảo đảm tính thống nhất, chính xác và tin cậy của thông tin. Nhà trường thực hiện lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định, kết hợp giữa hồ sơ điện tử và hồ sơ giấy, đáp ứng yêu cầu quản lý và khai thác thông tin.

Công tác quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu được thực hiện đúng quy định về bảo mật; việc phân quyền truy cập được thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cá nhân. Đồng thời, nhà trường duy trì các kênh trao đổi thông tin với cha mẹ trẻ một cách hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng phối hợp trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Một số nội dung cập nhật và khai thác thông tin vẫn cần được rà soát, điều chỉnh để bảo đảm tính thống nhất và thuận tiện hơn trong quá trình sử dụng.

4. Kế hoạch cải tiến

Năm học 2025–2026 và các năm học tiếp theo, nhà trường thực hiện rà soát, điều chỉnh cụ thể các nội dung trong công tác cập nhật và khai thác thông tin trẻ em như sau:

Nhà trường xây dựng và thống nhất quy trình cập nhật dữ liệu trẻ em trên các phần mềm (SMAS, CSDL ngành của Sở, CSDL của Bộ, phần mềm phổ cập), trong đó quy định rõ thời điểm cập nhật (đầu năm học, sau mỗi biến động sĩ số, định kỳ hằng tháng), nội dung cập nhật và trách nhiệm của từng cá nhân; bảo đảm dữ liệu được nhập đầy đủ, đúng biểu mẫu và thống nhất giữa các hệ thống. Tổ chức đối chiếu, kiểm tra dữ liệu định kỳ hằng tháng giữa các phần mềm và hồ sơ giấy (sổ theo dõi trẻ, hồ sơ lớp) để kịp thời phát hiện, điều chỉnh các thông tin chưa trùng khớp (họ tên, ngày sinh, mã định danh, tình trạng học tập, chuyên cần...). Kết quả kiểm tra được tổng hợp, báo cáo Ban giám hiệu để chỉ đạo xử lý.

Phân công cụ thể trách nhiệm cập nhật dữ liệu: giáo viên chủ nhiệm chịu trách nhiệm nhập và cập nhật thông tin trẻ của lớp; bộ phận văn phòng và cán bộ phụ trách CNTT thực hiện kiểm tra, tổng hợp và đồng bộ dữ liệu trên các hệ thống; Ban giám hiệu thực hiện kiểm tra, giám sát chung.

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn trực tiếp cho giáo viên về cách nhập liệu, chỉnh sửa và khai thác thông tin trên từng phần mềm; đồng thời xây dựng tài liệu hướng dẫn ngắn gọn để giáo viên thuận tiện tra cứu trong quá trình thực hiện. Rà soát, điều chỉnh việc phân quyền sử dụng phần mềm, bảo đảm mỗi cá nhân được cấp quyền phù hợp với nhiệm vụ, thuận tiện trong khai thác thông tin nhưng vẫn

bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu.

Tăng cường khai thác hiệu quả dữ liệu đã có phục vụ công tác quản lý, báo cáo, theo dõi trẻ; hạn chế việc nhập trùng lặp, giảm thao tác không cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các hệ thống phần mềm trong nhà trường.

Kết quả Tiêu chí 2. 1: Đạt mức độ 3

Tiêu chí 2.2: Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em

1. Mô tả hiện trạng

Trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số, nhà trường đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, theo dõi sức khỏe trẻ em, giúp nâng cao chất lượng chăm sóc và nuôi dưỡng.

Nhà trường thực hiện quản lý thông tin sức khỏe bằng hình thức kết hợp giữa hồ sơ giấy [H2-2.2-01] và phần mềm quản lý nhà trường SMAS (<https://vtsmas.vn>) [H2- 2.1-01]. Dữ liệu này được cập nhật gửi định kỳ lên Cơ sở dữ liệu ngành của Sở Giáo dục và Đào tạo <https://dongbo.csdl.edu.vn/dashboard> [H2-2.1-02] và kết chuyển lên Cơ sở dữ liệu giáo dục quốc gia (<https://csdl.moet.gov.vn>) [H2-2.2-03] theo đúng quy định. Các chỉ số phát triển thể chất của trẻ như cân nặng, chiều cao, tình trạng sức khỏe tổng quát và kết quả khám sức khỏe định kỳ được nhân viên y tế phối hợp với giáo viên cập nhật thường xuyên, liên tục trên hệ thống. Việc này hỗ trợ nhà trường theo dõi sát sao biểu đồ tăng trưởng của từng trẻ, từ đó có những điều chỉnh kịp thời trong chế độ dinh dưỡng. Tuy nhiên việc khai thác các tính năng chuyên sâu của phần mềm chưa thực sự đồng bộ. Một số nội dung quản lý y tế đặc thù chưa được tích hợp đầy đủ trên hệ thống, dẫn đến việc nhà trường vẫn phải duy trì quản lý song song giữa phần mềm và hồ sơ giấy để đảm bảo tính pháp lý và đối chiếu khi cần thiết.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã kịp thời nắm bắt xu thế chuyển đổi số, chủ động triển khai và vận hành thành thạo các hệ thống phần mềm cốt lõi của ngành (SMAS, CSDL Quốc gia), đảm bảo dữ liệu sức khỏe trẻ luôn thông suốt và đồng bộ. Việc số hóa các chỉ số tăng trưởng (chiều cao, cân nặng, biểu đồ dinh dưỡng) giúp nhà trường theo dõi sự phát triển của trẻ một cách hệ thống, liên tục và chính xác hơn so với phương pháp thủ công truyền thống. Có sự gắn kết chặt chẽ giữa nhân viên y tế và giáo viên chủ nhiệm trong việc nhập liệu, khai thác thông tin sức khỏe trẻ, từ đó nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và trao đổi thông tin kịp thời với phụ huynh, việc duy trì song song hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử trong giai đoạn

chuyển tiếp không chỉ giúp đối chiếu dữ liệu chính xác mà còn đảm bảo tính lưu trữ bền vững, đúng quy định của ngành giáo dục.

3. Điểm yếu

Việc khai thác các tính năng chuyên sâu của phần mềm chưa thực sự đồng bộ. Một số nội dung quản lý y tế đặc thù chưa được tích hợp đầy đủ trên hệ thống, dẫn đến việc nhà trường vẫn phải duy trì quản lý song song giữa phần mềm và hồ sơ giấy để đảm bảo tính pháp lý và đối chiếu khi cần thiết.

4. Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2025–2026 và các năm tiếp theo, nhà trường tổ chức các buổi tập huấn chuyên sâu, trao đổi kinh nghiệm nội bộ cho nhân viên y tế và giáo viên về việc khai thác tối đa các tính năng của phần mềm SMAS, đặc biệt là các phân hệ quản lý sức khỏe, biểu đồ tăng trưởng và dự báo dinh dưỡng.

Chủ động rà soát và thiết lập hệ thống biểu mẫu điện tử (Excel, Google Sheets dùng chung) để tích hợp các nội dung y tế đặc thù chưa có trên phần mềm SMAS. Phân đầu từng bước thay thế các sổ tay y tế thủ công bằng dữ liệu số có khả năng truy xuất nhanh.

Tăng cường công tác tự kiểm tra, đối soát định kỳ giữa hồ sơ giấy và dữ liệu trên hệ thống để đảm bảo tính khớp dịch 100%. Đề xuất với cấp trên về việc nâng cấp hoặc mở rộng các module quản lý y tế chuyên sâu để đồng bộ hóa hoàn toàn quy trình trên không gian số.

Tiêu chí 2.3: *Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên*

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường thực hiện quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ và đúng quy định. Các dữ liệu về lý lịch, trình độ chuyên môn, chức danh nghề nghiệp, quá trình công tác, chế độ chính sách và thi đua – khen thưởng được cập nhật, theo dõi biến động thường xuyên. Công tác quản lý và khai thác thông tin được thực hiện chuyên nghiệp trên hệ thống đa nền tảng, bao gồm:

Hệ thống phần mềm quản lý CB-CC-VC: vnerp.vn [H2 -2.3-01]

Phần mềm quản lý nhà trường: SMAS (<https://vtsmas.vn>) [H2- 2.1-01]

Hệ thống đồng bộ dữ liệu ngành: csdl.edu.vn [H2- 2.1-02]

Cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GD&ĐT: moet.gov.vn [H2- 2.1-03]

Việc vận hành các hệ thống này đã đáp ứng tốt yêu cầu báo cáo, thống kê và kết nối dữ liệu liên thông, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành nhân sự tại đơn vị. Tuy nhiên, do đặc thù phải vận hành đồng thời nhiều hệ thống, việc cập nhật đôi lúc còn trùng lặp, chưa có sự liên thông hoàn toàn giữa các phần mềm. Bên cạnh đó, một số thành phần hồ sơ pháp lý vẫn đang được duy trì quản lý song

song bằng văn bản giấy theo quy định hiện hành.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được cơ sở dữ liệu nhân sự đầy đủ và bài bản trên đa nền tảng. Việc quản lý từ lý lịch, trình độ đến chế độ chính sách giúp dữ liệu luôn sẵn sàng, phục vụ kịp thời công tác báo cáo và quy hoạch đội ngũ. Khai thác hiệu quả các hệ thống quản lý từ cấp Tỉnh đến cấp Bộ (CBCCVC, SMAS, CSDL ngành). Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có kỹ năng sử dụng các phần mềm quản lý, chủ động cập nhật thông tin cá nhân và phối hợp tốt trong quá trình vận hành hệ thống, tạo sự thống nhất trong toàn trường. Các thông tin về thi đua - khen thưởng, quá trình đào tạo và thay đổi chức danh nghề nghiệp được cập nhật thường xuyên, giúp Hiệu trưởng nắm bắt nhanh chóng hiện trạng năng lực đội ngũ để có sự điều hành phù hợp. Sự kết hợp hài hòa giữa quản lý trên hệ thống số và duy trì hồ sơ giấy đảm bảo tính pháp lý bền vững, giúp bảo vệ quyền lợi chính đáng cho cán bộ, giáo viên và nhân viên trong mọi tình huống.

3. Điểm yếu

Do đặc thù phải vận hành đồng thời nhiều hệ thống, việc cập nhật đôi lúc còn trùng lặp, chưa có sự liên thông hoàn toàn giữa các phần mềm. Bên cạnh đó, một số thành phần hồ sơ pháp lý vẫn đang được duy trì quản lý song song bằng văn bản giấy theo quy định hiện hành.

4. Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2025–2026 và các năm tiếp theo, nhà trường tập trung cải thiện hiệu quả chuyển đổi số thông qua các hành động cụ thể để giải quyết triệt để những bất cập hiện tại cụ thể:

Tổ chức tập huấn chuyên sâu cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về việc sử dụng các tính năng nâng cao của các hệ thống quản lý (SMAS, CSDL ngành, hệ thống CB-CC-VC...). Phân công cán bộ phụ trách công nghệ thông tin hỗ trợ, hướng dẫn trực tiếp, kịp thời giải đáp khó khăn trong quá trình sử dụng. Khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng kỹ năng số, từng bước nâng cao khả năng khai thác hiệu quả phần mềm. Rà soát toàn bộ dữ liệu cán bộ, giáo viên, nhân viên trên các hệ thống; thực hiện chuẩn hóa, cập nhật đầy đủ, thống nhất thông tin. Xây dựng quy trình cập nhật dữ liệu thống nhất trong toàn trường, tránh trùng lặp, sai lệch thông tin giữa các phần mềm.

Thực hiện cập nhật dữ liệu định kỳ (hàng tháng/quý) và kiểm tra, đối chiếu thường xuyên. Chủ động phối hợp với cơ quan quản lý cấp trên để khai thác tối đa tính năng liên thông dữ liệu giữa các hệ thống. Thực hiện nhập dữ liệu theo nguyên tắc “một lần nhập – nhiều lần sử dụng”, hạn chế nhập lại nhiều lần trên các phần mềm khác nhau. Kiến nghị cấp trên từng bước hoàn thiện, tích hợp các

hệ thống để đồng bộ dữ liệu. Từng bước số hóa các loại hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên (hồ sơ lý lịch, quyết định, chứng chỉ...) đảm bảo đầy đủ, khoa học. Xây dựng kho dữ liệu điện tử của nhà trường, lưu trữ an toàn, dễ tra cứu. Giảm dần việc sử dụng hồ sơ giấy đối với những nội dung đã đủ điều kiện pháp lý trên môi trường số.

Tiêu chí 2.4: Quản lý thông tin y tế trường học

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã chủ động đưa công nghệ thông tin vào công tác y tế học đường thông qua việc vận hành đồng bộ các hệ thống: Phần mềm quản lý nhà trường SMAS, hệ thống đồng bộ dữ liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo và Cơ sở dữ liệu ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc triển khai các nền tảng này đã giải quyết hiệu quả các yêu cầu cốt lõi trong quản lý sức khỏe trẻ em, tiêu biểu là việc theo dõi sát sao các chỉ số cân nặng, chiều cao và tự động hóa quy trình chấm biểu đồ tăng trưởng, giúp nhận diện nhanh tình trạng dinh dưỡng của từng học sinh. Bên cạnh đó, dữ liệu từ các kỳ khám sức khỏe định kỳ hằng năm và khám chuyên khoa cũng được cập nhật hệ thống, tạo nên một kho dữ liệu số liên tục về hành trình phát triển thể chất của trẻ, giúp nhà trường dễ dàng thực hiện các báo cáo thống kê và phối hợp thông tin kịp thời với phụ huynh học sinh [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.2-03]. Tuy nhiên Việc khai thác các tính năng chuyên sâu về phân tích dinh dưỡng trên phần mềm chưa thực sự đồng bộ, dẫn đến nhà trường vẫn phải duy trì song song hồ sơ giấy để đối soát và lưu trữ các minh chứng pháp lý theo quy định hiện hành

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được một hệ thống quản lý y tế học đường hiện đại nhờ việc khai thác triệt để tính năng của các phần mềm chuyên ngành, giúp chuyển đổi toàn bộ quy trình theo dõi thể chất truyền thống sang phương thức quản lý số hóa chính xác. Điểm tựa vững chắc nhất chính là khả năng tự động hóa trong việc tính toán và biểu diễn biểu đồ tăng trưởng, điều này không chỉ giảm thiểu sai sót do thao tác thủ công mà còn giúp cán bộ y tế và giáo viên đưa ra những nhận định khách quan, kịp thời về tình trạng sức khỏe của trẻ. Việc dữ liệu được kết nối liên thông từ cấp trường đến cấp Bộ đảm bảo tính thống nhất và bền vững của thông tin, giúp nhà trường luôn chủ động trong công tác báo cáo thống kê và lưu trữ hồ sơ sức khỏe trẻ qua nhiều năm học một cách khoa học. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa bộ phận y tế và giáo viên chủ nhiệm trong việc cập nhật dữ liệu lên hệ thống SMAS đã tạo nên một kênh thông tin minh bạch, giúp phụ huynh an tâm hơn khi mọi chỉ số phát triển của con em mình đều được nhà trường ghi nhận và quản lý chuyên nghiệp.

3. Điểm yếu

Việc khai thác các tính năng chuyên sâu về phân tích dinh dưỡng trên phần mềm chưa thực sự đồng bộ, dẫn đến nhà trường vẫn phải duy trì song song hồ sơ giấy để đối soát và lưu trữ các minh chứng pháp lý theo quy định hiện hành.

4. Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2025–2026 và năm tiếp theo nhà trường sẽ tập trung chuẩn hóa quy trình quản lý y tế thông qua việc xây dựng bộ danh mục hồ sơ số đồng bộ, ưu tiên cập nhật trực tiếp mọi kết quả khám sức khỏe và chỉ số tăng trưởng lên hệ thống SMAS ngay sau khi có dữ liệu thực tế nhằm đảm bảo tính chính xác. Thiết lập bảng đối soát điện tử dùng chung giữa bộ phận y tế và kế toán dinh dưỡng để tự động kết nối dữ liệu từ biểu đồ tăng trưởng sang chế độ khẩu phần ăn, thay vì phải trích xuất thủ công như trước đây, giúp việc phân tích dinh dưỡng trở nên khoa học và sát với nhu cầu phát triển của trẻ. Đồng thời, nhà trường sẽ thực hiện lộ trình lưu trữ hồ sơ y tế dưới dạng điện tử có ký số hoặc xác nhận nội bộ trên nền tảng đám mây, việc này không chỉ giúp cắt giảm 70% các loại sổ sách giấy không cần thiết mà còn tạo ra kho dữ liệu thông minh, sẵn sàng phục vụ công tác đối soát pháp lý và báo cáo ngành một cách nhanh chóng, minh bạch

Tiêu chí 2.5: Quản lý thông tin phổ cập giáo dục

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã thiết lập nền tảng quản lý phổ cập giáo dục hiện đại thông qua việc vận hành chuyên nghiệp Hệ thống thông tin phổ cập giáo dục – xóa mù chữ trực tuyến tại địa chỉ <https://pcgd.vn> [H2-2.1-04] theo đúng hướng dẫn của ngành. Toàn bộ dữ liệu điều tra và thống kê trẻ trong độ tuổi trên địa bàn phường được số hóa và lưu trữ tập trung, giúp việc tổng hợp các biểu mẫu báo cáo luôn đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và đồng bộ từ cơ sở đến cấp quản lý trên. Việc làm chủ hệ thống này không chỉ giúp giảm tải đáng kể gánh nặng hồ sơ giấy mà còn tối ưu hóa thời gian, nâng cao hiệu quả trong công tác kiểm tra và công nhận phổ cập hàng. Tuy nhiên, hành trình số hóa công tác phổ cập vẫn còn những vướng mắc khách quan như: Việc duy trì tính thời điểm của dữ liệu đôi khi gặp khó khăn do sự biến động dân cư phức tạp trên địa bàn, trong khi hệ thống phổ cập hiện tại chưa có sự liên thông trực tiếp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, dẫn đến cán bộ phụ trách vẫn phải dành nhiều thời gian để đối soát thủ công giữa hồ sơ thực tế và dữ liệu điện tử. Bên cạnh đó, do đặc thù hạ tầng mạng tại một số thời điểm cao điểm cập nhật thường xảy ra hiện tượng quá tải, gây ảnh hưởng đến tiến độ nhập liệu và trích xuất báo cáo, đòi hỏi nhà trường phải linh hoạt sắp xếp thời gian làm việc để đảm bảo tính thông suốt của dữ liệu.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thiết lập được quy trình quản lý phổ cập khoa học nhờ việc

khai thác tối đa tính năng của hệ thống trực tuyến, giúp chuyển đổi toàn bộ các biểu mẫu báo cáo thủ công sang dữ liệu số đồng bộ và chính xác tuyệt đối

Sự tinh thông trong việc vận hành phần mềm pcgd.vn giúp đội ngũ phụ trách không chỉ nắm bắt nhanh chóng biến động trẻ trong độ tuổi mà còn chủ động trong việc lập kế hoạch huy động trẻ ra lớp, đảm bảo duy trì bền vững kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và mục tiêu phổ cập trẻ 3-5 tuổi đến năm 2028 tại địa phương đạt được kết quả cao nhất.

Việc số hóa dữ liệu đã tạo ra một kho lưu trữ thông tin có tính kế thừa cao, hỗ trợ đắc lực cho công tác kiểm tra, đối soát hồ sơ giữa các cấp quản lý, đồng thời giúp nhà trường thực hiện tốt vai trò tham mưu cho chính quyền địa phương trong việc quy hoạch mạng lưới trường lớp.

3. Điểm yếu

Việc duy trì tính thời điểm của dữ liệu đôi khi gặp khó khăn do sự biến động dân cư phức tạp trên địa bàn, trong khi hệ thống phổ cập hiện tại chưa có sự liên thông trực tiếp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, dẫn đến cán bộ phụ trách vẫn phải dành nhiều thời gian để đối soát thủ công giữa hồ sơ thực tế và dữ liệu điện tử. Bên cạnh đó, do đặc thù hạ tầng mạng tại một số thời điểm cao điểm cập nhật thường xảy ra hiện tượng quá tải, gây ảnh hưởng đến tiến độ nhập liệu và trích xuất báo cáo, đòi hỏi nhà trường phải linh hoạt sắp xếp thời gian làm việc để đảm bảo tính thông suốt của dữ liệu.

4. Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2025–2026 và những năm tiếp theo, nhà trường sẽ tập trung tối ưu hóa quy trình quản lý phổ cập thông qua các hành động cụ thể để khắc phục triệt để những vướng mắc về dữ liệu và hạ tầng:

Chủ động kết nối dữ liệu dân cư: Để giảm bớt việc đối soát thủ công, nhà trường sẽ chủ động phối hợp chặt chẽ với Công an xã Ninh Phúc nhằm định kỳ rà soát, đối chiếu danh sách trẻ tạm trú, thường trú trên địa bàn, việc này giúp cập nhật kịp thời các biến động dân cư vào hệ thống pcgd.vn ngay từ đầu học kỳ, tránh dồn tích hồ sơ gây áp lực vào thời điểm cuối năm

Tối ưu hóa thời gian và hạ tầng mạng: Xây dựng lộ trình nhập liệu linh hoạt bằng cách phân chia thời gian cập nhật dữ liệu cho các khối lớp vào các khung giờ thấp điểm, giải pháp này giúp tránh hiện tượng nghẽn mạng cục bộ trên hệ thống quốc gia, đảm bảo tiến độ trích xuất báo cáo luôn thông suốt và chính xác theo kế hoạch của ngành

Nâng cao năng lực xử lý tình huống: Tổ chức các buổi trao đổi nghiệp vụ nội bộ để hướng dẫn cán bộ phụ trách các kỹ thuật sao lưu và quản lý dữ liệu dự phòng trên bảng tính thông minh (Excel/Google Sheets), giúp nhà trường luôn có

sẵn kho dữ liệu "sạch" để đối chiếu và nhập liệu nhanh chóng ngay khi hệ thống trực tuyến ổn định

Tiếp tục kiến nghị với các cấp quản lý về việc sớm triển khai liên thông dữ liệu giữa ngành Giáo dục và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đồng thời đề xuất nâng cấp hạ tầng mạng nội bộ để đáp ứng tốt hơn yêu cầu chuyển đổi số toàn diện trong công tác phổ cập trẻ từ 3 đến 5 tuổi

Tiêu chí 2.6: Quản lý thông tin tài sản, tài chính

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã chủ động số hóa toàn diện công tác quản trị nguồn lực thông qua việc vận hành đồng bộ các hệ thống phần mềm chuyên dụng, tạo bước tiến quan trọng trong lộ trình chuyển đổi số tại đơn vị

Về quản lý tài chính: Nhà trường khai thác hiệu quả hệ sinh thái phần mềm MISA gồm MISA Mimoso [H2-2.6-01] và MISA EMIS để thực hiện các nghiệp vụ từ hạch toán kế toán, quản lý thu – chi đến lập báo cáo quyết toán ngân sách [H2-2.6-02], Phần mềm bảo hiểm xã hội <http://vbhxxh.viettel.vn/> [H2-2.6-03]. Việc ứng dụng công nghệ giúp số liệu luôn được cập nhật theo thời gian thực, đảm bảo tính chính xác tuyệt đối và phục vụ đắc lực cho công tác kiểm tra, giám sát của các cấp quản lý

Về quản lý tài sản: Công tác này được thực hiện bài bản trên phần mềm MISA Quản lý tài sản <https://qltsapp.misa.vn> [H2-2.6-04] và Hệ thống Quản lý tài sản công của Bộ Tài chính <https://qlts.mof.gov.vn> [H2-2.6-05]. Toàn bộ danh mục tài sản, trang thiết bị dạy học đều được mã hóa, theo dõi biến động và đồng bộ dữ liệu định kỳ, giúp nhà trường nắm bắt chính xác hiện trạng cơ sở vật chất để có kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng kịp thời. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chuyển đổi số trong quản lý tài chính, tài sản vẫn gặp một số khó khăn khách quan: Việc tích hợp dữ liệu giữa các phần mềm kế toán và phần mềm quản lý tài sản đôi khi chưa có sự liên thông hoàn toàn, dẫn đến cán bộ chuyên trách vẫn phải thực hiện một số thao tác đối soát thủ công để đảm bảo tính khớp dịch giữa sổ sách kế toán và thực tế tài sản. Bên cạnh đó, các quy định về chế độ kế toán và quản lý tài sản công thường xuyên có sự thay đổi, đòi hỏi nhân sự phải liên tục cập nhật kiến thức nghiệp vụ để vận hành phần mềm đúng quy định mới nhất.

2. Điểm mạnh

Việc vận hành thành thạo hệ sinh thái phần mềm MISA (Mimoso, EMIS, QLTS) giúp nhà trường kiểm soát chặt chẽ mọi dòng tiền và danh mục tài sản, đảm bảo số liệu kế toán luôn thống nhất, minh bạch và tuân thủ tuyệt đối các quy định hiện hành về quản lý ngân sách. Công nghệ số đã thay đổi hoàn toàn phương thức quản lý tài sản từ ghi chép thủ công sang mã hóa và theo dõi biến động trực

tuyển. Điều này giúp Hiệu trưởng nắm bắt nhanh chóng hiện trạng cơ sở vật chất để đưa ra các quyết định đầu tư, mua sắm trang thiết bị dạy học một cách khoa học và hiệu quả.

Các công cụ kết xuất báo cáo nhanh chóng từ phần mềm của Bộ Tài chính và MISA không chỉ phục vụ đắc lực cho công tác công khai tài chính mà còn đảm bảo tính bảo mật, lưu trữ bền vững dữ liệu tài sản của nhà trường qua nhiều năm học.

3. Điểm yếu

Việc tích hợp dữ liệu giữa các phần mềm kế toán và phần mềm quản lý tài sản đôi khi chưa có sự liên thông hoàn toàn, dẫn đến cán bộ chuyên trách vẫn phải thực hiện một số thao tác đối soát thủ công để đảm bảo tính khớp dịch giữa sổ sách kế toán và thực tế tài sản. Bên cạnh đó, các quy định về chế độ kế toán và quản lý tài sản công thường xuyên có sự thay đổi, đòi hỏi nhân sự phải liên tục cập nhật kiến thức nghiệp vụ để vận hành phần mềm đúng quy định mới nhất.

4 Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2025–2026 và những năm tiếp theo, nhà trường chuẩn hóa quy trình đối soát dữ liệu nội bộ để khắc phục việc thiếu liên thông giữa các phần mềm, nhà trường thiết lập cơ chế "đối soát định kỳ" vào ngày cuối cùng của mỗi quý, theo đó kế toán tài chính và cán bộ quản lý tài sản sẽ thực hiện kiểm tra chéo các chỉ số tăng, giảm tài sản giữa phần mềm MISA và sổ cái kế toán, việc này giúp phát hiện sớm các sai lệch và điều chỉnh kịp thời, đảm bảo số liệu luôn thống nhất mà không để dồn áp lực vào cuối năm học.

Số hóa hồ sơ theo dõi biến động tài sản: Triển khai lưu trữ hồ sơ tài sản dưới dạng điện tử kết hợp (PDF hóa các biên bản bàn giao, hóa đơn mua sắm) để tích hợp ngay vào phần mềm quản lý, giải pháp này giúp việc truy xuất nguồn gốc tài sản trở nên nhanh chóng, hỗ trợ đắc lực cho cán bộ chuyên trách trong việc đối chiếu số liệu giữa thực tế và phần mềm mà không cần lục tìm thủ công trong kho hồ sơ giấy.

Nhà trường tạo điều kiện tối đa để nhân viên kế toán tham gia các diễn đàn nghiệp vụ trực tuyến và các lớp tập huấn do ngành Tài chính, Giáo dục tổ chức, mục tiêu là giúp nhân sự nắm bắt tức thì các thay đổi về chế độ kế toán mới, từ đó làm chủ các tính năng cập nhật của phần mềm MISA và các hệ thống của Bộ Tài chính, đảm bảo vận hành đúng quy định pháp luật hiện hành.

Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận kế toán chủ động liên hệ với đơn vị cung cấp phần mềm để yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật trong việc kết xuất, chuyển đổi dữ liệu từ mảng tài chính sang tài sản một cách tối ưu nhất, đồng thời kiến nghị cấp trên đầu tư hạ tầng thiết bị đồng bộ để đảm bảo việc vận hành các phần mềm chuyên ngành luôn thông suốt và ổn định.

Tiêu chí 2.7: Quản lý văn bản điện tử

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã thiết lập môi trường làm việc hiện đại hóa công tác văn phòng thông qua việc vận hành chuyên nghiệp Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành điện tử của tỉnh Ninh Bình tại địa chỉ <https://qlvbdh.ninhbinh.gov.vn/> [H2-2.7-01].

Quy trình tiếp nhận, xử lý, ban hành và lưu trữ văn bản được thực hiện chủ yếu trên môi trường số với sự hỗ trợ của chữ ký số chuyên dùng. Việc này giúp mọi thông tin chỉ đạo từ cấp trên được lan tỏa tức thì đến các bộ phận, đảm bảo tính thời sự, chính xác và giúp việc tra cứu hồ sơ công việc trở nên thuận tiện, khoa học hơn bao giờ hết.

Ứng dụng này không chỉ đơn thuần là thay đổi cách gửi nhận văn bản, mà đã góp phần quan trọng trong việc hình thành thói quen làm việc trên không gian số cho đội ngũ cán bộ, giáo viên. Từ đó, nhà trường tiết kiệm đáng kể thời gian, chi phí in ấn và nâng cao rõ rệt hiệu quả công tác quản trị, điều hành thực tế tại đơn vị. Tuy nhiên việc chuyển đổi số hoàn toàn trong quản lý văn bản đôi khi gặp khó khăn đối với các văn bản có tính chất mật hoặc các hồ sơ chuyên môn đặc thù yêu cầu phải lưu trữ bản gốc có dấu đỏ theo quy định ngành. Bên cạnh đó, tại những thời điểm hệ thống trực liên thông văn bản quốc gia bảo trì hoặc gặp sự cố kỹ thuật, việc luân chuyển văn bản giữa các cấp có thể bị gián đoạn, đòi hỏi bộ phận văn thư vẫn phải theo dõi song song để đảm bảo không bỏ sót nhiệm vụ.

2. Điểm mạnh

Việc vận hành thành thạo hệ thống quản lý văn bản điện tử giúp rút ngắn tối đa thời gian luân chuyển thông tin, đảm bảo mọi chỉ đạo của Ban Giám hiệu được truyền tải đến các bộ phận một cách tức thì, chính xác và không bị thất lạc hồ sơ. Quản trị hệ thống minh bạch và trách nhiệm: Mọi quy trình xử lý văn bản đều được lưu vết rõ ràng trên môi trường số, giúp Hiệu trưởng dễ dàng giám sát tiến độ, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ kịp thời, từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp trong đội ngũ cán bộ, giáo viên. Cắt giảm tối đa văn bản giấy không chỉ giúp nhà trường tiết kiệm đáng kể chi phí in ấn, văn phòng phẩm mà còn giải phóng không gian lưu trữ, góp phần xây dựng môi trường làm việc khoa học, hiện đại và thân thiện.

Đội ngũ cán bộ quản lý và văn thư đã sử dụng thành thạo chữ ký số chuyên dùng, đảm bảo tính pháp lý cao cho các văn bản ban hành trên môi trường mạng, khẳng định bước tiến vững chắc của nhà trường trong lộ trình chuyển đổi số.

3. Điểm yếu

Việc chuyển đổi số hoàn toàn trong quản lý văn bản đôi khi gặp khó khăn đối với các văn bản có tính chất mật hoặc các hồ sơ chuyên môn đặc thù yêu cầu

phải lưu trữ bản gốc có dấu đỏ theo quy định ngành. Bên cạnh đó, tại những thời điểm hệ thống trực liên thông văn bản quốc gia bảo trì hoặc gặp sự cố kỹ thuật, việc luân chuyển văn bản giữa các cấp có thể bị gián đoạn, đòi hỏi bộ phận văn thư vẫn phải theo dõi song song để đảm bảo không bỏ sót nhiệm vụ.

4. Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2025–2026 và những năm tiếp theo, nhà trường xác định tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý văn bản theo hướng đồng bộ, linh hoạt và phù hợp với đặc thù của ngành. Đối với các văn bản có tính chất mật hoặc hồ sơ chuyên môn bắt buộc lưu bản gốc, nhà trường thực hiện quản lý theo hướng kết hợp: vẫn lưu trữ đầy đủ bản giấy theo quy định, đồng thời tiến hành số hóa để phục vụ tra cứu, khai thác trong nội bộ. Việc số hóa được thực hiện có kiểm soát, phân quyền truy cập chặt chẽ theo từng vị trí công tác, qua đó vừa đảm bảo an toàn thông tin, vừa hạn chế việc sử dụng, luân chuyển văn bản giấy không cần thiết.

Trong trường hợp hệ thống trực liên thông văn bản quốc gia xảy ra sự cố hoặc gián đoạn, nhà trường chủ động xây dựng phương án dự phòng, sử dụng các kênh thông tin chính thống như email công vụ để tiếp nhận, trao đổi và xử lý văn bản kịp thời. Đồng thời, bộ phận văn thư thực hiện theo dõi, cập nhật đầy đủ các văn bản phát sinh trong thời gian gián đoạn để bổ sung lên hệ thống ngay khi hoạt động ổn định trở lại, đảm bảo tính liên tục và không bỏ sót nhiệm vụ. Bên cạnh đó, nhà trường từng bước chuẩn hóa quy trình xử lý văn bản theo hướng ưu tiên môi trường điện tử, hạn chế in ấn đối với các văn bản không bắt buộc. Việc phân công trách nhiệm được thực hiện rõ ràng, gắn với kiểm tra, giám sát định kỳ nhằm nâng cao ý thức và hiệu quả sử dụng hệ thống của cán bộ, giáo viên. Song song với đó, nhà trường quan tâm đầu tư các điều kiện kỹ thuật cần thiết như thiết bị số hóa, hạ tầng công nghệ thông tin và thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ để đảm bảo an toàn thông tin.

Tiêu chí 2.8: Tận ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hàng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ:

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã chủ động ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý dinh dưỡng thông qua việc vận hành chuyên nghiệp phần mềm Quản lý mầm non PMS tại địa chỉ <https://qlmn.vn/> [H2-2.8-01]. Thông qua hệ thống, nhà trường đã thực hiện số hóa toàn bộ quy trình xây dựng thực đơn, từ việc cập nhật danh mục thực phẩm, định lượng chi tiết đến việc thiết lập thực đơn theo ngày, tuần và tháng phù hợp với đặc thù phát triển của từng độ tuổi. Ưu điểm nổi bật của phần mềm là khả

năng tự động hóa việc tính toán năng lượng và cân đối hàm lượng các chất dinh dưỡng (P-L-G), giúp nhà trường trích xuất nhanh chóng các bảng phân tích khẩu phần ăn để có những điều chỉnh kịp thời, đảm bảo chế độ dinh dưỡng khoa học và hợp lý cho trẻ.

Bên cạnh đó, mọi dữ liệu về định lượng thực phẩm và báo cáo dinh dưỡng đều được lưu trữ đồng bộ trên hệ thống, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra và khai thác dữ liệu lâu dài. Nhà trường cũng đặc biệt chú trọng tính minh bạch thông qua việc công khai thực đơn hằng ngày trên bảng tin và định kỳ trên trang thông tin điện tử tại địa chỉ <https://c0ninhphuc.ninhbinh.edu.vn/> [H1-1-01], giúp phụ huynh dễ dàng theo dõi và phối hợp chăm sóc trẻ. Tuy nhiên, cấu trúc các phân hệ trên phần mềm PMS còn phức tạp, gây khó khăn cho việc khai thác các tính năng báo cáo chuyên sâu. Hệ thống thường xuyên xảy ra tình trạng phản hồi chậm hoặc nghẽn mạng vào các khung giờ cao điểm, gây gián đoạn quy trình nhập liệu và trích xuất thực đơn hằng ngày của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Việc làm chủ phần mềm PMS đã thay thế hoàn toàn các phương pháp tính toán thủ công, giúp nhà trường xây dựng thực đơn khoa học, đảm bảo cân đối tuyệt đối hàm lượng các chất P-L-G theo đúng tiêu chuẩn dinh dưỡng trẻ em. Khả năng tự động hóa của hệ thống giúp trích xuất các bảng phân tích khẩu phần ăn tức thì, hỗ trợ Ban giám hiệu đưa ra các điều chỉnh thực đơn nhanh chóng, sát với nhu cầu phát triển thể chất thực tế của trẻ tại đơn vị. Việc kết hợp công khai thực đơn trên cả bảng tin truyền thống và trang thông tin điện tử đã tạo nên một kênh giám sát đa chiều, giúp phụ huynh hoàn toàn an tâm và nâng cao uy tín của nhà trường trong cộng đồng.

Hệ thống lưu trữ đồng bộ giúp nhà trường duy trì được kho dữ liệu dinh dưỡng bền vững qua nhiều năm học, phục vụ đắc lực cho công tác kiểm tra, đối soát và thống kê báo cáo chuyên ngành.

3. Điểm yếu

Cấu trúc các phân hệ trên phần mềm PMS còn phức tạp, gây khó khăn cho việc khai thác các tính năng báo cáo chuyên sâu. Hệ thống thường xuyên xảy ra tình trạng phản hồi chậm hoặc nghẽn mạng vào các khung giờ cao điểm, gây gián đoạn quy trình nhập liệu và trích xuất thực đơn hằng ngày của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2025–2026 và những năm tiếp theo, nhà trường chủ động sắp xếp khung giờ cập nhật dữ liệu linh hoạt (ưu tiên đầu giờ sáng) để tránh thời điểm hệ thống quá tải. Đồng thời, xây dựng kho lưu trữ dữ liệu dự phòng ngoại tuyến (file Excel) để đảm bảo công tác nuôi dưỡng không bị đình trệ khi phần

mềm gặp sự cố. Tổ chức các buổi trao đổi nghiệp vụ tại chỗ để cán bộ phụ trách chia sẻ kỹ năng xử lý tình huống và các "mẹo" vận hành phần mềm tối ưu. Việc này giúp đội ngũ làm chủ hệ thống, biết cách thao tác nhanh để khai thác dữ liệu chính xác và hiệu quả hơn. Tổng hợp chi tiết các lỗi kỹ thuật, tình trạng nghẽn mạng và các tính năng còn phức tạp để yêu cầu đơn vị cung cấp phần mềm PMS nâng cấp hạ tầng máy chủ, tinh gọn giao diện, đảm bảo tính ổn định và thuận tiện cho người dùng.

Tiêu chí 2.9: Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã chủ động hiện đại hóa công tác tổ chức các hoạt động giáo dục thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và học liệu số vào quá trình giảng dạy.

Đội ngũ giáo viên đã bước đầu làm chủ và khai thác hiệu quả các phần mềm chuyên dụng như Canva, Capcut, Microsoft PowerPoint, Audacity, Adobe Photoshop, CorelDRAW cùng kho dữ liệu YouTube để thiết kế bài giảng điện tử, xây dựng video và hình ảnh minh họa sinh động. Các học liệu số này được lồng ghép linh hoạt trong các hoạt động học, hoạt động trải nghiệm và giáo dục theo chủ đề, giúp nâng cao tính trực quan, khơi gợi hứng thú và thúc đẩy sự tương tác tích cực của trẻ. Toàn bộ kho học liệu điện tử được nhà trường từng bước thực hiện lưu trữ, quản lý tập trung trên hệ thống, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác và chia sẻ chuyên môn nội bộ [H2-2.9-01]. Tuy nhiên, hiệu quả ứng dụng chưa đạt mức tối ưu do điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin và nguồn kinh phí của đơn vị còn hạn chế, chưa cho phép đầu tư đồng bộ các phần mềm bản quyền hoặc các nền tảng có tính năng chuyên sâu. Bên cạnh đó, mức độ khai thác các tính năng nâng cao của phần mềm giữa các giáo viên chưa thật sự đồng đều.

2. Điểm mạnh

Giáo viên đã thay đổi mạnh mẽ tư duy từ dạy học truyền thống sang giáo dục số, làm chủ nhiều phần mềm đồ họa và dựng bản tin chuyên nghiệp (Canva, capcut, PowerPoint, Photoshop...) để tự thiết kế kho học liệu sinh động, mang đậm dấu ấn cá nhân và phù hợp với đặc thù của từng nhóm lớp. Việc ứng dụng bài giảng điện tử và học liệu đa phương tiện (video, âm thanh, hình ảnh trực quan) giúp các giờ học trở nên lôi cuốn, kích thích sự tò mò và phát triển trí tuệ của trẻ một cách tự nhiên, hiệu quả hơn so với phương pháp dạy học thông thường. Nhà trường đã tận dụng tối đa các thiết bị công nghệ sẵn có để hình thành kho học liệu điện tử dùng chung, tạo môi trường thuận lợi cho việc lưu trữ, chia sẻ và tái sử dụng tài nguyên giáo dục, giúp tiết kiệm thời gian và công sức cho giáo viên.

Đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động: Công nghệ thông tin không chỉ là

công cụ minh họa mà đã trở thành phương tiện cốt lõi giúp giáo viên đổi mới hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, giáo dục chủ đề theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện của ngành.

3. Điểm yếu

Hiệu quả ứng dụng chưa đạt mức tối ưu do điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin và nguồn kinh phí của đơn vị còn hạn chế, chưa cho phép đầu tư đồng bộ các phần mềm bản quyền hoặc các nền tảng có tính năng chuyên sâu. Bên cạnh đó, mức độ khai thác các tính năng nâng cao của phần mềm giữa các giáo viên chưa thật sự đồng đều.

4. Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2025–2026 và những năm tiếp theo, nhà trường xây dựng mô hình "Cộng đồng học tập số" nội bộ. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn theo hình thức "cầm tay chỉ việc", trong đó những giáo viên nòng cốt, thành thạo công nghệ sẽ hỗ trợ, chia sẻ kỹ năng khai thác các tính năng nâng cao của phần mềm cho đồng nghiệp. Việc này giúp thu hẹp khoảng cách về trình độ và đảm bảo sự đồng đều trong chất lượng học liệu số giữa các khối lớp. Trong điều kiện kinh phí hạn chế cho các phần mềm bản quyền, nhà trường hướng dẫn giáo viên khai thác tối đa các nền tảng thiết kế miễn phí nhưng mạnh mẽ (như Canva, capcut... cho giáo dục) và các kho học liệu mở uy tín của ngành. Đồng thời, xây dựng hệ thống thư viện bài giảng dùng chung để giáo viên có thể tái sử dụng và cải tiến tài nguyên của nhau, giúp tiết kiệm thời gian và công sức thiết kế. Chủ động xây dựng kế hoạch lộ trình nâng cấp thiết bị công nghệ theo từng năm học; tham mưu với các cấp quản lý và kêu gọi sự đồng hành của phụ huynh thông qua công tác xã hội hóa để từng bước trang bị các phần mềm chuyên sâu, mua bản quyền các ứng dụng giáo dục thông minh nhằm nâng cao tính tương tác và chất lượng giờ học cho trẻ. Khuyến khích giáo viên tự làm giàu kho học liệu bằng các video trải nghiệm thực tế tại địa phương, biến công nghệ thành công cụ kể chuyện sinh động thay vì chỉ phụ thuộc vào các tính năng kỹ thuật phức tạp, giúp hoạt động giáo dục vừa hiện đại vừa gần gũi với trẻ.

Tiêu chí 2.10: Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã hiện đại hóa công tác phối hợp thông qua việc vận hành đồng bộ Trang thông tin điện tử (Website) chính thống [H1-1-01] và hệ thống nhóm tương tác trực tuyến qua nền tảng Zalo tại 100% nhóm lớp [H2-2.10-01]. Website

đảm nhiệm vai trò công khai minh bạch các kế hoạch chiến lược, quy định của ngành và thực đơn dinh dưỡng; đồng thời, các nhóm Zalo đóng vai trò là kênh trao đổi nhanh, cập nhật kịp thời tình hình sức khỏe và các hoạt động hằng ngày của trẻ. Các nội dung tuyên truyền về kế hoạch giáo dục, chế độ dinh dưỡng được số hóa dưới dạng hình ảnh và video clip sinh động. Việc chia sẻ tư liệu trực quan này giúp cha mẹ trẻ nắm bắt lộ trình học tập và dễ dàng đồng hành cùng trẻ thực hiện các bài tập, hoạt động trải nghiệm tại nhà, đặc biệt là các nội dung ứng dụng phương pháp STEAM. Phụ huynh tích cực tương tác hai chiều bằng cách cung cấp các hình ảnh, video kết quả hoạt động của trẻ tại gia đình, tạo sự thống nhất chặt chẽ về phương pháp giáo dục giữa nhà trường và gia đình. Tuy nhiên, việc khai thác thông tin trên Website của một bộ phận phụ huynh còn chưa trở thành thói quen thường xuyên. Bên cạnh đó, kỹ năng ứng dụng công nghệ số và điều kiện thời gian của các gia đình không đồng đều, dẫn đến hiệu quả tiếp nhận thông tin và tính tương tác đôi lúc chưa đạt sự đồng bộ tuyệt đối.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được mạng lưới truyền thông đa chiều, kết hợp hiệu quả giữa tính chính thống của Trang thông tin điện tử và tính kịp thời của các nhóm tương tác Zalo, đảm bảo thông tin luôn được công khai, minh bạch và xuyên suốt đến 100% cha mẹ trẻ. Việc số hóa các nội dung giáo dục (hình ảnh, video clip) đã tạo bước đột phá trong việc hướng dẫn cha mẹ chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình. Đặc biệt, sự tương tác hai chiều qua các hoạt động STEAM giúp phụ huynh không chỉ là người tiếp nhận thông tin mà còn là người trực tiếp tham gia vào quá trình giáo dục, tạo sự thống nhất cao về phương pháp giữa gia đình và nhà trường. Sự minh bạch về thông tin và tính tương tác nhanh chóng qua các nền tảng số đã củng cố niềm tin của phụ huynh đối với nhà trường, góp phần xây dựng môi trường giáo dục hạnh phúc, an toàn và thân thiện.

3 Điểm yếu

Việc khai thác thông tin trên Website của một bộ phận phụ huynh còn chưa trở thành thói quen thường xuyên. Bên cạnh đó, kỹ năng ứng dụng công nghệ số và điều kiện thời gian của các gia đình không đồng đều, dẫn đến hiệu quả tiếp nhận thông tin và tính tương tác đôi lúc chưa đạt sự đồng bộ tuyệt đối.

4. Kế hoạch cải

Trong năm học 2025–2026 và những năm tiếp theo Nhà trường thường xuyên hướng dẫn và khuyến khích phụ huynh khai thác Trang thông tin điện tử (Website) thông qua việc quét mã QR nhanh hoặc gắn đường liên kết trực tiếp vào các thông báo quan trọng trên nhóm Zalo. Chuyển dần các tài liệu chuyên môn, học liệu số chuyên sâu lên Website để phụ huynh thấy được lợi ích và hình

thành thói quen truy cập định kỳ. Cải tiến hình thức cung cấp thông tin trên các nền tảng số theo hướng trực quan, ngắn gọn và sinh động (sử dụng infographic, video ngắn dưới 2 phút). Thiết kế các nội dung hướng dẫn chăm sóc trẻ tại nhà đơn giản, dễ hiểu để mọi phụ huynh, kể cả những người có kỹ năng công nghệ cơ bản, đều có thể tiếp cận và thực hiện được. Thiết lập khung giờ tương tác phù hợp trên các nhóm trực tuyến nhằm đảm bảo tính tập trung của thông tin và tránh trôi tin quan trọng. Đối với những gia đình gặp khó khăn về công nghệ hoặc hạn chế về thời gian, giáo viên chủ động lựa chọn các hình thức trao đổi linh hoạt, cô đọng nhất để đảm bảo sự đồng bộ trong việc nắm bắt kế hoạch giáo dục của nhà trường. Tổ chức các buổi chia sẻ ngắn trong các cuộc họp cha mẹ trẻ về cách khai thác học liệu điện tử và cách sử dụng các ứng dụng khảo sát (Google Forms). Đồng thời, nêu gương và chia sẻ những video, hình ảnh phối hợp hiệu quả của các gia đình lên Website để tạo sự lan tỏa và thúc đẩy tính tương tác hai chiều.

Tiêu chí 2.11: Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã chủ động chuyển đổi từ hình thức tuyên truyền truyền thống (bảng tin bản giấy, tờ rơi) sang hệ thống đa phương thức trên môi trường số. Các kiến thức về nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được đăng tải định kỳ, hệ thống trên Trang thông tin điện tử (Website) và fanpage của nhà trường [H1-1-01]. Đồng thời, mạng lưới nhóm Zalo tại các lớp đóng vai trò là kênh dẫn tin, giúp kiến thức khoa học tiếp cận trực tiếp và nhanh chóng đến từng cha mẹ trẻ lớp [H2-2.10-01]. Nội dung tuyên truyền được nhà trường chỉ đạo biên tập lại dưới các hình thức hiện đại như: Infographic (hình ảnh tóm tắt kiến thức), Video clip hướng dẫn kỹ năng, bài viết chuyên môn về dinh dưỡng và tâm sinh lý lứa tuổi. Việc số hóa này không chỉ giúp nội dung trở nên sinh động, dễ hiểu mà còn tạo điều kiện để phụ huynh và cộng đồng dễ dàng lưu trữ, chia sẻ và tra cứu mọi lúc, mọi nơi. Thông qua việc công khai các kiến thức khoa học trên môi trường mạng, nhà trường đã mở rộng đối tượng tiếp nhận không chỉ bó hẹp trong phụ huynh của trường mà còn lan tỏa đến cộng đồng dân cư địa phương. Các chuyên đề về phòng chống dịch bệnh, tai nạn thương tích và dinh dưỡng hợp lý được cộng đồng tương tác, phản hồi tích cực, góp phần nâng cao nhận thức chung về giáo dục mầm non. Tuy nhiên, việc xây dựng và thiết kế các học liệu số chuyên sâu (video, đồ họa) đòi hỏi nhiều thời gian và kỹ năng kỹ thuật của đội ngũ giáo viên. Bên cạnh đó, thói quen tra cứu kiến thức khoa học trên Website của một bộ phận cộng đồng chưa cao, chủ yếu vẫn phụ thuộc vào thông tin nhận được qua các hội nhóm Zalo lớp.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng hiệu quả mạng lưới thông tin đa chiều, kết hợp hài hòa giữa Website và các nền tảng mạng xã hội, giúp truyền tải kịp thời kiến thức nuôi dạy trẻ đến 100% phụ huynh. Nội dung tuyên truyền được số hóa đa dạng (infographic, video, tài liệu số), dễ tiếp cận, dễ áp dụng và thuận tiện tra cứu. Các chuyên đề bám sát nhu cầu thực tiễn, qua đó khẳng định vai trò chuyên môn của nhà trường, đồng thời tạo được môi trường tương tác hai chiều tích cực, hình thành cộng đồng phụ huynh cùng phối hợp chăm sóc, giáo dục trẻ hiệu quả.

3 Điểm yếu

Việc xây dựng và thiết kế các học liệu số chuyên sâu (video, đồ họa) đòi hỏi nhiều thời gian và kỹ năng kỹ thuật của đội ngũ giáo viên. Bên cạnh đó, thói quen tra cứu kiến thức khoa học trên Website của một bộ phận cộng đồng chưa cao, chủ yếu vẫn phụ thuộc vào thông tin nhận được qua các hội nhóm Zalo lớp.

4. Kế hoạch cải tiến.

Trong năm học 2025-2026 và năn tiếp theo nhà trường ưu tiên bồi dưỡng năng lực tự thiết kế học liệu số thông qua các chuyên đề thực hành về công cụ thiết kế thông minh như Canva, CapCut và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong xây dựng kịch bản. Thay vì hoạt động đơn lẻ, các tổ chuyên môn sẽ xây dựng “Kho tài nguyên số dùng chung”, cho phép giáo viên khai thác và tái cấu trúc các mẫu học liệu có sẵn, giúp tối ưu hóa thời gian nhưng vẫn đảm bảo tính thẩm mỹ và giá trị sư phạm trong từng sản phẩm đồ họa, video. Song song đó, công tác quản trị được tái cấu trúc theo hướng tinh giản hóa thông qua việc đẩy mạnh số hóa hồ sơ, sổ sách và biểu mẫu báo cáo trên hệ thống quản lý tập trung. Việc cắt giảm các thao tác thủ công và thành lập nhóm "Cán bộ nòng cốt công nghệ" sẽ tạo ra quỹ thời gian cần thiết để giáo viên tập trung nâng cao chất lượng bài giảng điện tử, đồng thời đảm bảo mọi khó khăn về kỹ thuật luôn được hỗ trợ kịp thời.

Nhà trường triển khai chiến lược "Kết nối điều hướng" từ các kênh mạng xã hội về Website chính thức. Thay vì cung cấp thông tin rời rạc qua Zalo, giáo viên sẽ gửi tóm tắt nội dung kèm liên kết dẫn đến các bài viết chuyên sâu trên trang thông tin của trường. Việc tích hợp mã QR tại các khu vực tuyên truyền và số hóa góc "Chia sẻ kiến thức cùng cha mẹ" sẽ từng bước định hình thói quen tra cứu chủ động, giúp phụ huynh tiếp cận nguồn thông tin chính thống, khoa học và đa dạng hơn.

Tiêu chí 2.12: Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GDĐT quản lý)

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường thực hiện quản trị dữ liệu tập trung trên hệ thống Cơ sở dữ liệu

ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ <https://csdl.moet.gov.vn> lớp [H2-2.1-03]. Các nhóm thông tin về hồ sơ 297 trẻ em, đội ngũ 29 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cùng các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục như cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được cập nhật thường xuyên, đầy đủ và chính xác theo quy định. Đồng thời, nhà trường vận hành hệ thống quản lý tại địa chỉ <https://vtmmas.vn> lớp [H2-2.1-01]. và thực hiện đồng bộ dữ liệu định kỳ với hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục tỉnh Ninh Bình tại địa chỉ <https://dongbo.csdl.edu.vn> lớp [H2-2.10-02]. Việc cập nhật và kết nối dữ liệu được thực hiện đúng tiến độ, bảo đảm tính thống nhất, liên thông giữa các cấp quản lý, phục vụ hiệu quả công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại đơn vị. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn gặp một số khó khăn do thông tin mã định danh cá nhân của một số trẻ chưa trùng khớp với dữ liệu dân cư quốc gia, gây khó khăn cho việc xác thực hồ sơ. Ngoài ra, việc đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống đôi khi bị gián đoạn vào các đợt cao điểm báo cáo do nghẽn đường truyền, ảnh hưởng đến thời gian cập nhật thông tin tức thời của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được nền tảng quản trị dữ liệu số khoa học và đồng bộ khi thực hiện nghiêm túc việc cập nhật thông tin trên hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc duy trì đầy đủ, chính xác hồ sơ của 297 trẻ cùng đội ngũ 29 cán bộ, giáo viên và nhân viên trên môi trường số đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác theo dõi và quản lý nhân sự, học sinh. Điểm nổi bật là nhà trường đã vận hành linh hoạt và có sự kết nối chặt chẽ giữa hệ thống quản lý vtmmas.vn với hệ thống dữ liệu của ngành giáo dục tỉnh Ninh Bình, đảm bảo tính liên thông và thống nhất thông tin giữa các cấp. Quá trình cập nhật dữ liệu luôn được thực hiện đúng tiến độ, giúp việc khai thác thông tin phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và chuyên nghiệp trong quản lý hành chính nhà trường.

3. Điểm yếu

Quá trình thực hiện vẫn gặp một số khó khăn do thông tin mã định danh cá nhân của một số trẻ chưa trùng khớp với dữ liệu dân cư quốc gia, gây khó khăn cho việc xác thực hồ sơ. Ngoài ra, việc đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống đôi khi bị gián đoạn vào các đợt cao điểm báo cáo do nghẽn đường truyền, ảnh hưởng đến thời gian cập nhật thông tin tức thời của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, nhà trường tập trung phối hợp chặt chẽ với Công an địa phương và phụ huynh học sinh để rà soát, đối

chiều và điều chỉnh kịp thời những trường hợp mã định danh cá nhân của trẻ chưa trùng khớp với dữ liệu dân cư quốc gia, đảm bảo 100% hồ sơ trẻ được xác thực trên hệ thống. Để khắc phục tình trạng nghẽn mạng trong các đợt cao điểm, nhà trường chủ động xây dựng lịch cập nhật dữ liệu sớm hơn thời hạn quy định, tránh dồn việc vào những ngày cuối của kỳ báo cáo, đồng thời xem xét nâng cấp băng thông internet tại đơn vị để đảm bảo đường truyền ổn định. Bên cạnh đó, nhà trường tăng cường bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ quản trị và giáo viên nhằm xử lý nhanh các lỗi kỹ thuật phát sinh trong quá trình đồng bộ dữ liệu, đảm bảo thông tin luôn được cập nhật tức thời và chính xác giữa các hệ thống quản lý, hướng tới mục tiêu hoàn thiện hệ sinh thái dữ liệu số bền vững.

Tiêu chí 2.13: Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã chủ động cụ thể hóa công tác chuyển đổi số bằng việc ban hành Quyết định số 122b/QĐ-TrMN ngày 19/9/2025 về Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin. Văn bản này đã tạo hành lang pháp lý rõ ràng, quy định chi tiết phạm vi áp dụng, nguyên tắc quản lý cũng như trách nhiệm cụ thể của Ban giám hiệu, giáo viên và nhân viên trong việc cập nhật dữ liệu, đảm bảo tính an toàn, bảo mật thông tin và hiệu quả vận hành. Việc triển khai quy chế không chỉ giúp chuẩn hóa quy trình làm việc trên môi trường số mà còn nâng cao đáng kể ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, giáo viên trong công tác quản trị và giáo dục trẻ, tạo sự thống nhất và khoa học trong toàn đơn vị lớp [H1-1-02]. Tuy nhiên một số nội dung trong quy chế còn mang tính nguyên tắc chung, chưa bao quát hết được các tình huống phát sinh khi có sự thay đổi hoặc cập nhật các tính năng mới từ các nền tảng công nghệ, dẫn đến việc xử lý các lỗi kỹ thuật phần mềm đôi lúc còn lúng túng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thể hiện tinh thần chủ động và tầm nhìn chiến lược trong việc thiết lập hành lang pháp lý số thông qua việc ban hành quy chế quản lý, vận hành các ứng dụng công nghệ thông tin kịp thời và đúng quy định. Điểm mạnh nổi bật là sự phân định rõ ràng về trách nhiệm và quyền hạn của từng bộ phận, từ Ban giám hiệu đến giáo viên, nhân viên, giúp quy trình quản trị dữ liệu được thực hiện chuyên nghiệp, an toàn và bảo mật thông tin tuyệt đối. Việc triển khai quy chế đã tạo ra sự thay đổi tích cực trong nhận thức và tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, giáo viên, giúp các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ được vận hành một cách khoa học, thống nhất và đồng bộ trên môi trường số, góp phần nâng cao

hiệu quả quản lý toàn diện của đơn vị.

3. Điểm yếu

Một số nội dung trong quy chế còn mang tính nguyên tắc chung, chưa bao quát hết được các tình huống phát sinh khi có sự thay đổi hoặc cập nhật các tính năng mới từ các nền tảng công nghệ, dẫn đến việc xử lý các lỗi kỹ thuật phần mềm đôi lúc còn lúng túng.

4. Kế hoạch cải tiến

Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, nhà trường xác định việc hoàn thiện hành lang pháp lý số là nhiệm vụ trọng tâm nhằm tháo gỡ những lúng túng trong vận hành thực tế. Cụ thể, nhà trường tiến hành rà soát và nâng cấp Quy chế quản lý (QĐ 122b) từ những nguyên tắc chung thành các quy trình hướng dẫn chi tiết. Trọng tâm là xây dựng bổ sung Phụ lục "Xử lý tình huống phát sinh", trong đó phân loại cụ thể các kịch bản lỗi (lỗi hệ thống, lỗi cập nhật tính năng mới, lỗi bảo mật...) kèm theo các bước xử lý trực quan, giúp giáo viên dễ dàng tra cứu và tự tin thao tác khi có sự thay đổi về công nghệ. Nhà trường tổ chức tối thiểu 02 đợt tập huấn chuyên sâu dưới hình thức "Cầm tay chỉ việc" và diễn tập tình huống thực tế. Qua đó, trang bị cho cán bộ, giáo viên không chỉ kỹ năng sử dụng mà còn là bản lĩnh xử lý các sự cố phần mềm cơ bản, giúp đội ngũ không còn lúng túng trước các phiên bản cập nhật mới. Thiết lập bộ phận thường trực hỗ trợ kỹ thuật tại chỗ do cán bộ phụ trách CNTT làm nòng cốt. Bộ phận này có nhiệm vụ làm "cầu nối" trực tiếp giữa nhà trường và đơn vị cung cấp phần mềm, đảm bảo mọi vướng mắc phát sinh được tổng hợp và xử lý trong thời gian ngắn nhất, không làm gián đoạn công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Ban giám hiệu thiết lập cơ chế lắng nghe định kỳ thông qua các hòm thư góp ý số hoặc các buổi sinh hoạt chuyên môn để tiếp thu phản hồi từ giáo viên trực tiếp đứng lớp. Từ đó, kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy chế, đảm bảo văn bản quản trị luôn song hành và bắt kịp với tốc độ phát triển của các nền tảng công nghệ mà nhà trường đang sử dụng.

5. Kết luận về tiêu chí

Chỉ số	Điểm số
Chỉ số 1	5
Chỉ số 2	5
Chỉ số 3	5
Chỉ số 4	5
Chỉ số 5	5
Chỉ số 6	3
Chỉ số 7	3

Chỉ số 8	7
Chỉ số 9	6
Chỉ số 10	6
Chỉ số 11	2,5
Chỉ số 12	5,5
Chỉ số 13	Có thực hiện
Tổng điểm	58

Tiêu chí 2: Đạt Mức độ 3

Kết luận tiêu chí 2:

Qua quá trình TĐG tại tiêu chí 2 triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ nhà trường có những điểm mạnh nổi bật sau:

Nhà trường đã xây dựng được hệ sinh thái quản lý số tương đối hoàn chỉnh, vận hành hiệu quả trên nhiều nền tảng (SMAS, CSDL ngành, PMS, MISA, hệ thống văn bản điện tử...), đảm bảo dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác, liên thông từ cấp trường đến cấp Bộ. Công tác quản lý thông tin trẻ, đội ngũ, sức khỏe, phổ cập, tài chính – tài sản đều được số hóa, góp phần nâng cao chất lượng quản trị và giảm tải hồ sơ thủ công. Việc ứng dụng công nghệ trong nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ có nhiều chuyển biến rõ nét, đặc biệt là sử dụng phần mềm PMS để xây dựng khẩu phần dinh dưỡng khoa học, theo dõi biểu đồ tăng trưởng, từ đó điều chỉnh chế độ ăn phù hợp với từng trẻ.

Trong hoạt động giáo dục, đội ngũ giáo viên đã chủ động đổi mới phương pháp, khai thác hiệu quả các phần mềm thiết kế bài giảng, xây dựng học liệu số phong phú, góp phần nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng hiện đại, lấy trẻ làm trung tâm. Nhà trường cũng đã thiết lập được mạng lưới kết nối thông tin đa chiều với cha mẹ trẻ thông qua Website, Zalo, các biểu mẫu trực tuyến..., tạo sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường trong chăm sóc, giáo dục trẻ. Đồng thời, công tác tuyên truyền kiến thức nuôi dạy trẻ được đẩy mạnh trên môi trường số, có sức lan tỏa trong cộng đồng. Bên cạnh đó, nhà trường đã chủ động ban hành quy chế quản lý, vận hành các ứng dụng CNTT, từng bước hình thành nề nếp làm việc trên môi trường số, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin.

Bên cạnh điểm mạnh còn điểm yếu sau:

Mức độ liên thông giữa các phần mềm chưa hoàn toàn đồng bộ; vẫn còn tình trạng nhập liệu trùng lặp; một số tính năng chuyên sâu của phần mềm chưa được khai thác tối đa; hạ tầng công nghệ và kỹ năng số của đội ngũ chưa đồng đều; việc duy trì song song hồ sơ giấy và điện tử vẫn còn cần thiết trong giai đoạn chuyển tiếp.

III. Nhóm tiêu chí 3: Triển khai dịch vụ trực tuyến:

Mở đầu:

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trong ngành Giáo dục, việc triển khai các dịch vụ trực tuyến tại nhà trường là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, tăng cường tính công khai, minh bạch và hiệu quả trong quản lý, điều hành. Nhận thức rõ vai trò đó, nhà trường đã chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp và thực hiện các dịch vụ trực tuyến liên quan đến công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Các hoạt động như tiếp nhận, xử lý thông tin, trao đổi với cha mẹ trẻ, công khai các nội dung giáo dục, thu thập ý kiến phản hồi... được từng bước chuyển đổi từ hình thức trực tiếp sang môi trường số thông qua Website, các nền tảng trực tuyến và hệ thống phần mềm của ngành. Việc triển khai dịch vụ trực tuyến không chỉ giúp tiết kiệm thời gian, chi phí mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh tiếp cận thông tin mọi lúc, mọi nơi, góp phần nâng cao sự hài lòng và tăng cường sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nhà trường cũng xác định việc tiếp tục hoàn thiện, mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ trực tuyến là nhiệm vụ trọng tâm trong lộ trình chuyển đổi số, hướng tới xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, linh hoạt và lấy người học làm trung tâm.

Tiêu chí 3.1: Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non

1. Mô tả hiện trạng

Hiện tại, nhà trường duy trì quy trình tuyển sinh theo hình thức trực tiếp nhằm đảm bảo việc kiểm tra, đối soát hồ sơ gốc và thông tin cư trú của trẻ được chính xác, minh bạch, đồng thời tạo điều kiện để giáo viên trực tiếp tư vấn, giải đáp thắc mắc cho phụ huynh trong giai đoạn chuẩn bị các điều kiện để số hóa hoàn toàn. Dù thực hiện tuyển sinh tại trường, nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc công khai kế hoạch, chỉ tiêu và quy định tuyển sinh thông qua hệ thống Website, Fanpage [H2-1-01] và các nhóm Zalo cộng đồng, giúp phụ huynh tiếp cận thông tin nhanh chóng và đầy đủ nhất [H2-2.10-01].

Bên cạnh đó, nhà trường phát huy vai trò hỗ trợ chuyển đổi số thông qua việc phối hợp chuyển cấp cho 100% học sinh khối 5 tuổi bằng cách cấp tài khoản, mật khẩu và trực tiếp hướng dẫn phụ huynh kê khai thông tin, hoàn thiện hồ sơ đăng ký vào lớp 1 trên hệ thống tuyển sinh trực tuyến của ngành giáo dục <https://ninhbinh.tsdv.vn/> [H3-3.1-01]. Việc chủ động hỗ trợ này không chỉ giúp phụ huynh làm quen với quy trình dịch vụ công trực tuyến mà còn đảm bảo dữ liệu trẻ em được cập nhật chính xác, thống nhất trên hệ thống cơ sở dữ liệu chung, góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính và tạo sự thuận lợi tối đa cho

gia đình học sinh. Tuy nhiên Việc triển khai tuyển sinh trực tuyến cho bậc học mầm non hiện chưa thực hiện đồng bộ do chưa có hướng dẫn thống nhất và hệ thống phần mềm dùng chung từ cấp trên; đồng thời do đặc thù lứa tuổi mầm non đòi hỏi nhà trường phải trao đổi trực tiếp với phụ huynh về tình trạng sức khỏe, tâm lý và những lưu ý đặc biệt trong chăm sóc trẻ, nên hình thức tuyển sinh trực tiếp vẫn là phương thức chủ đạo để đảm bảo tính chính xác và an toàn. Bên cạnh đó, khả năng tiếp cận và thực hiện các dịch vụ công trực tuyến của một bộ phận phụ huynh trên địa bàn còn hạn chế, dẫn đến việc chuyển đổi hoàn toàn sang môi trường số trong công tác tuyển sinh đầu cấp còn gặp nhiều khó khăn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thể hiện tinh thần chủ động và trách nhiệm cao trong việc minh bạch hóa thông tin tuyển sinh thông qua việc vận hành hiệu quả đa dạng các kênh truyền thông số như Website, Fanpage và Zalo, giúp phụ huynh tiếp cận kế hoạch tuyển sinh một cách nhanh chóng và chính xác nhất. Quy trình tuyển sinh trực tiếp được tổ chức khoa học, tạo sự tin tưởng tuyệt đối thông qua việc đối soát kỹ lưỡng hồ sơ gốc, đảm bảo tính chính xác của dữ liệu đầu vào.

Đặc biệt, nhà trường đã phát huy vai trò cầu nối chuyên đổi số khi hỗ trợ hiệu quả 100% phụ huynh học sinh khối 5 tuổi làm quen và thực hiện thành thạo quy trình tuyển sinh trực tuyến vào lớp 1. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, có kỹ năng công nghệ tốt, luôn sẵn sàng hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn cho phụ huynh trong việc kê khai thông tin trên hệ thống, từ đó góp phần nâng cao chỉ số cải cách hành chính và tạo sự hài lòng, tin tưởng sâu sắc từ phía cha mẹ học sinh đối với các dịch vụ của nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc triển khai tuyển sinh trực tuyến cho bậc học mầm non hiện chưa thực hiện đồng bộ do chưa có hướng dẫn thống nhất và hệ thống phần mềm dùng chung từ cấp trên; đồng thời do đặc thù lứa tuổi mầm non đòi hỏi nhà trường phải trao đổi trực tiếp với phụ huynh về tình trạng sức khỏe, tâm lý và những lưu ý đặc biệt trong chăm sóc trẻ, nên hình thức tuyển sinh trực tiếp vẫn là phương thức chủ đạo để đảm bảo tính chính xác và an toàn. Bên cạnh đó, khả năng tiếp cận và thực hiện các dịch vụ công trực tuyến của một bộ phận phụ huynh trên địa bàn còn hạn chế, dẫn đến việc chuyển đổi hoàn toàn sang môi trường số trong công tác tuyển sinh đầu cấp còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2025–2026 và các năm học tiếp theo, nhà trường chủ động xây dựng và triển khai hệ thống đăng ký nguyện vọng trực tuyến qua các biểu mẫu số (Google Forms/Microsoft Forms) để phụ huynh kê khai thông tin trước,

giúp rút ngắn 70% thời gian đối soát trực tiếp tại trường. Nhà trường bố trí bộ phận hỗ trợ kỹ thuật tại chỗ để trực tiếp hướng dẫn phụ huynh thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, đồng thời thiết kế các video ngắn hướng dẫn quy trình tuyển sinh đăng tải trên Zalo và Fanpage giúp cha mẹ dễ dàng tiếp cận. Đối với đặc thù tâm sinh lý trẻ, nhà trường thực hiện số hóa phiếu khảo sát sức khỏe trực tuyến để phụ huynh cung cấp thông tin chi tiết trước khi đến trường trao đổi, đảm bảo vừa giữ được sự tương tác trực tiếp cần thiết, vừa minh bạch hóa và hiện đại hóa quy trình tiếp nhận hồ sơ theo đúng lộ trình chuyển đổi số.

Tiêu chí 3.2. Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục:

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã thiết lập và vận hành hiệu quả hệ thống kết nối đa chiều trên môi trường số, trọng tâm là mạng lưới các nhóm tương tác trực tuyến (Zalo) theo từng đơn vị lớp kết hợp với trang thông tin điện tử của nhà trường [H2-2.10-01]. Thông qua các kênh này, dòng chảy thông tin được duy trì xuyên suốt và tức thì; giáo viên thường xuyên cập nhật kế hoạch giáo dục, thực đơn dinh dưỡng hằng ngày, cùng các video/hình ảnh hoạt động thực tế của trẻ tại lớp. Việc ứng dụng công nghệ không chỉ dừng lại ở các thông báo hành chính mà còn mở rộng sang công tác tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ kỹ năng chăm sóc, nuôi dưỡng tại gia đình. Sự phản hồi hai chiều kịp thời đã giúp xóa bỏ khoảng cách về thời gian, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, minh bạch giữa gia đình và nhà trường trong mọi hoạt động giáo dục học sinh. Tuy nhiên, việc vận hành các kênh kết nối trực tuyến chưa đạt được sự đồng bộ giữa các khối lớp; mức độ tương tác và phản hồi từ phía cha mẹ trẻ còn chưa đồng đều, dẫn đến dòng chảy thông tin đôi lúc bị gián đoạn, làm ảnh hưởng đến hiệu quả phối hợp tổng thể giữa gia đình và nhà trường.

2. Điểm mạnh

Việc vận hành hiệu quả các kênh tương tác trực tuyến đã tạo ra một nhịp cầu thông tin thông suốt và kịp thời giúp hình ảnh hoạt động cũng như tình hình sức khỏe của trẻ được truyền tải đến phụ huynh một cách trực quan nhất mang lại sự an tâm và tin tưởng tuyệt đối vào chất lượng chăm sóc của nhà trường

Sức mạnh của công nghệ số đã giúp nhà trường đa dạng hóa hình thức tuyên truyền từ những thông báo hành chính khô khan sang các video hướng dẫn và kế hoạch giáo dục sinh động giúp cha mẹ trẻ dễ dàng nắm bắt phương pháp sư phạm để phối hợp chặt chẽ với giáo viên trong việc nuôi dưỡng trẻ tại gia đình. Chính sự minh bạch và bền bỉ trong việc duy trì dòng chảy thông tin trên không gian mạng đã xóa bỏ mọi khoảng cách về thời gian và địa lý tạo điều kiện cho những phụ huynh dù bận rộn nhất vẫn có thể đồng hành sát sao cùng mọi hoạt động giáo dục và đóng góp ý kiến xây dựng ngôi trường ngày càng phát triển.

3. Điểm yếu

Việc vận hành các kênh kết nối trực tuyến chưa đạt được sự đồng bộ giữa các khối lớp; mức độ tương tác và phản hồi từ phía cha mẹ trẻ còn chưa đồng đều, dẫn đến dòng chảy thông tin đôi lúc bị gián đoạn, làm ảnh hưởng đến hiệu quả phối hợp tổng thể giữa gia đình và nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2025–2026 và những năm tiếp theo nhà trường quyết tâm nâng cao hiệu quả kết nối bằng cách ban hành quy định chung về khung giờ và nội dung đăng tải mẫu cho tất cả các nhóm lớp giúp dòng chảy thông tin luôn được vận hành một cách đồng bộ và khoa học. Giáo viên chủ nhiệm sẽ chủ động tìm hiểu và hỗ trợ riêng cho những phụ huynh ít tương tác hoặc gặp rào cản về công nghệ để đảm bảo mọi gia đình đều nhận được đầy đủ các chỉ dẫn về chăm sóc và giáo dục trẻ mà không bị gián đoạn hay bỏ sót thông tin

Bên cạnh đó nhà trường khuyến khích đội ngũ giáo viên thay thế các thông báo văn bản đơn thuần bằng những hình ảnh sinh động và video ngắn về hoạt động của trẻ tại lớp nhằm khơi gợi sự hứng thú và tăng cường sự phản hồi tích cực từ phía cha mẹ học sinh. Ban Giám hiệu cũng sẽ thường xuyên theo dõi và đánh giá mức độ tương tác của từng khối lớp để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc phát sinh từ đó xây dựng một môi trường phối hợp giữa gia đình và nhà trường thực sự bền chặt và đạt hiệu quả tối ưu nhất.

Tiêu chí 3.3: Dịch vụ thu phí không dùng tiền mặt

1. Mô tả thực trạng

Nhà trường triển khai các hoạt động chuyển đổi số trong công tác tài chính và dịch vụ, thực hiện thu – chi các khoản đóng góp của phụ huynh theo hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, thực hiện qua phần mềm kế toán MISA tại địa chỉ <https://emisapp.misa.vn> [H2-2.6-01], tạo điều kiện để phụ huynh thanh toán qua hình thức liên kết ngân hàng, góp phần công khai, minh bạch, thuận tiện cho phụ huynh và phù hợp với chủ trương chuyển đổi số trong ngành giáo dục. Tuy nhiên mức độ tiếp cận và kỹ năng thao tác trên ứng dụng ngân hàng số của một bộ phận phụ huynh còn chưa đồng đều.

2. Điểm mạnh

Việc triển khai đồng bộ thanh toán qua phần mềm MISA EMIS đã giúp nhà trường hiện đại hóa hoàn toàn quy trình quản trị tài chính đảm bảo mọi dòng tiền được lưu vết chính xác và minh bạch tuyệt đối trên hệ thống điện tử. Phương thức này không chỉ mang lại sự tiện lợi tối đa giúp phụ huynh có thể hoàn thành các khoản đóng góp mọi lúc mọi nơi mà còn giúp bộ phận kế toán giải phóng áp lực quản lý tiền mặt và giảm thiểu sai sót trong khâu đối soát sổ sách. Chính sự quyết tâm đưa công nghệ vào quản

lý tài chính đã nâng cao uy tín của nhà trường trong việc thực hiện các chủ trương về chính phủ số đồng thời tạo ra môi trường giao dịch an toàn và chuyên nghiệp cho toàn thể phụ huynh.

3. Điểm yếu

Mức độ tiếp cận và kỹ năng thao tác trên ứng dụng ngân hàng số của một bộ phận phụ huynh còn chưa đồng đều.

4. Kế hoạch cải tiến

Năm học 2025–2026 và các năm học tiếp theo Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng các video ngắn và hình ảnh đồ họa hướng dẫn chi tiết từng bước thao tác trên ứng dụng ngân hàng số để gửi tới các nhóm lớp giúp những phụ huynh còn lúng túng có thể tự tin thực hiện tại nhà. Đồng thời giáo viên chủ nhiệm sẽ đóng vai trò là người đồng hành trực tiếp hướng dẫn và giải đáp mọi vướng mắc kỹ thuật cho các bậc cha mẹ trong những ngày đầu triển khai nhằm đảm bảo sự an tâm và chính xác tuyệt đối. Nhà trường cũng ưu tiên phổ biến hình thức quét mã QR động có tích hợp sẵn thông tin định danh học sinh giúp đơn giản hóa tối đa quy trình thanh toán để ngay cả những phụ huynh không am tường về công nghệ vẫn có thể hoàn thành việc nộp phí chỉ bằng một thao tác chạm duy nhất.

5. Kết luận về tiêu chí

Chỉ số	Điểm số
Chỉ số 1	3
Chỉ số 2	4
Chỉ số 3	4
Tổng điểm	11

Tiêu chí 3: Đạt mức độ 3

Kết luận tiêu chí 3:

Qua quá trình TĐG tại tiêu chí 3 triển khai dịch vụ trực tuyến có những điểm mạnh nổi bật sau:

Nhà trường đã thiết lập được một hệ sinh thái kết nối đa chiều và thông suốt giữa gia đình với cơ sở giáo dục thông qua việc vận hành chuyên nghiệp các nhóm tương tác số và trang thông tin điện tử giúp mọi dòng chảy thông tin về hoạt động của trẻ luôn được minh bạch và cập nhật tới phụ huynh một cách trực quan sinh động nhất. Đặc biệt việc triển khai đồng bộ và thành công dịch vụ thu phí không dùng tiền mặt qua phần mềm MISA EMIS không chỉ mang lại sự tiện lợi tối đa cho cha mẹ học sinh mà còn giúp nhà trường hiện đại hóa hoàn toàn quy trình quản lý tài chính đảm bảo tính chính xác tuyệt đối và lưu vết dữ liệu an toàn trên môi trường số. Chính sự quyết tâm trong việc làm chủ công nghệ và tinh thần tận tâm hỗ trợ phụ huynh tiếp cận các tiện ích mới đã giúp nhà trường xây dựng được một môi trường giáo dục hiện đại văn minh tạo nền tảng vững chắc để tiếp tục

nâng cao chất lượng dịch vụ công và hoàn thành xuất sắc các mục tiêu chuyển đổi số trong giai đoạn tiếp theo

Bên cạnh điểm mạnh còn điểm yếu sau:

Mức độ tiếp cận công nghệ và kỹ năng vận hành các ứng dụng số của một bộ phận phụ huynh còn chưa đồng đều dẫn đến hiệu quả tương tác và phối hợp đôi lúc bị gián đoạn. Việc khai thác các tính năng chuyên sâu của phần mềm quản lý dịch vụ đôi khi còn có độ trễ kỹ thuật và chưa thực sự đồng bộ hoàn toàn giữa các khối lớp làm ảnh hưởng đến tính thời điểm trong việc cập nhật và báo cáo dữ liệu.

IV. Tiêu chí 4: Nội dung tiêu chí: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số:

Mở đầu:

Xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt trong quá trình triển khai chuyển đổi số, nhà trường đã quan tâm xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó, nhà trường đã từng bước nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ trong quản lý, giảng dạy và kết nối với phụ huynh, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà trường và chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tiêu chí 4.1: Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:

1. Mô tả hiện trạng

Tại thời điểm đánh giá, nhà trường xác định phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, được triển khai đồng bộ thông qua việc nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng và tạo điều kiện để đội ngũ giáo viên ứng dụng công nghệ vào tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Hiện nay, tổng số giáo viên của nhà trường là 26 đồng chí. Qua đánh giá thực tế, có 24/26 giáo viên (đạt khoảng 92,3%) sử dụng được các ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác học liệu số trong hoạt động chuyên môn. Giáo viên đã biết vận dụng linh hoạt nhiều phần mềm và công cụ hỗ trợ như: thiết kế bài giảng điện tử bằng PowerPoint, Canva; xây dựng trò chơi học tập tương tác trên Wordwall, Quizizz; khai thác video, hình ảnh từ YouTube Kids, thư viện học liệu số để làm phong phú nội dung hoạt động. Đặc biệt, một số giáo viên đã bước đầu tiếp cận và sử dụng công nghệ AI trong thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục như: sử dụng AI để tạo hình ảnh minh họa phù hợp với chủ đề bài học, xây dựng nội dung câu chuyện, bài thơ; hỗ trợ soạn giáo án, gợi ý ý tưởng tổ chức hoạt động; tạo giọng đọc tự động phục vụ kể chuyện, đọc thơ cho trẻ. Việc ứng dụng AI bước đầu góp phần tiết kiệm thời gian chuẩn bị, đồng thời làm tăng tính sinh

động, hấp dẫn trong các hoạt động giáo dục trẻ [H4-4.1-01].

Bên cạnh đó, giáo viên cũng sử dụng hiệu quả các nền tảng số như Google Meet, Zoom trong sinh hoạt chuyên môn, tập huấn trực tuyến; duy trì trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm thông qua các nhóm Zalo, góp phần tăng cường kết nối, hỗ trợ chuyên môn trong toàn trường. Tuy nhiên, vẫn còn 2/26 giáo viên (chiếm 7,6%) gặp khó khăn trong việc tiếp cận công nghệ mới do rào cản về độ tuổi và tâm lý e ngại thay đổi thói quen giảng dạy truyền thống.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên trẻ đã thể hiện sự nhạy bén và đột phá trong việc làm chủ công nghệ mới khi chủ động đưa trí tuệ nhân tạo AI vào giáo dục mầm non để tạo ra những học liệu mang tính cá nhân hóa cao và đặc biệt thu hút sự chú ý của trẻ trong từng hoạt động học tập. Chỉ số 92,3% giáo viên thành thạo các ứng dụng số là minh chứng rõ nét cho sự thành công của công tác bồi dưỡng nội bộ giúp nhà trường sở hữu nguồn nhân lực số dồi dào sẵn sàng thích ứng với những bước tiến cao hơn trong lộ trình hiện đại hóa giáo dục

Chính sự sáng tạo trong việc kết hợp giữa kinh nghiệm sư phạm và các công cụ hỗ trợ thông minh đã giúp nhà trường xây dựng được kho học liệu phong phú đa dạng nâng cao rõ rệt chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ theo hướng chuyên đổi số toàn diện.

3. Điểm yếu

2/26 giáo viên (chiếm 7,6%) gặp khó khăn trong việc tiếp cận công nghệ mới do rào cản về độ tuổi và tâm lý e ngại thay đổi thói quen giảng dạy truyền thống.

4. Kế hoạch cải tiến

Nhà trường sẽ triển khai mô hình hỗ trợ đặc biệt theo hình thức “Cặp đôi công nghệ” bằng cách phân công những giáo viên nòng cốt thành thạo AI và các phần mềm ứng dụng trực tiếp kèm cặp cho nhóm giáo viên còn hạn chế để cùng thực hiện các bước soạn giảng và thiết kế học liệu số ngay tại lớp học

Lộ trình bồi dưỡng sẽ được thiết kế theo hướng tinh giản và tập trung vào các công cụ dễ vận hành như thiết kế bài giảng Canva hoặc sử dụng trợ lý ảo AI để gợi ý kịch bản truyện kể giúp giáo viên lớn tuổi cảm nhận được sự tiện lợi và giá trị thực tế của công nghệ trong việc giải phóng sức lao động thủ công

Ban Giám hiệu cũng sẽ thường xuyên tổ chức các buổi chia sẻ thân mật để tôn vinh những sáng kiến nhỏ nhưng hiệu quả của các giáo viên này nhằm xóa bỏ rào cản tâm lý e ngại và khơi gợi niềm đam mê đổi mới giúp mỗi cá nhân tự tin bước ra khỏi vùng an toàn để làm chủ không gian giáo dục số một cách tự nhiên nhất

Việc duy trì môi trường học hỏi tích cực và không áp lực này sẽ là chìa khóa để

nhà trường sớm đạt mục tiêu 100% giáo viên thành thạo công nghệ đảm bảo dòng chảy chuyển đổi số luôn thông suốt và đồng bộ trong toàn đơn vị.

Tiêu chí 4.2. Tỷ lệ giáo viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng

1. Mô tả hiện trạng

Xác định việc nâng cao năng lực số cho đội ngũ là chìa khóa để thực hiện thành công chiến lược chuyển đổi số, nhà trường luôn ưu tiên dành nguồn lực và thời gian cho công tác tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng công nghệ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Hằng năm, nhà trường thực hiện nghiêm túc việc cử giáo viên tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng do ngành giáo dục tổ chức, đồng thời chủ động xây dựng các chuyên đề tự bồi dưỡng tại chỗ phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị. Tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên được tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số đạt 100% (26/26 đồng chí), được tiếp cận các kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu. Đặc biệt, 100% cán bộ, giáo viên đã tham gia Khoá học “Khung năng lực số cho giáo viên” do Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai trên Cổng đào tạo trực tuyến tại địa chỉ <https://ninbinhedu.cls.vn> [H4-4.2-01] qua đó góp phần chuẩn hóa năng lực số của đội ngũ theo yêu cầu chuyển đổi số ngành giáo dục.

Nội dung bồi dưỡng được thiết kế đa dạng, từ việc vận hành các phần mềm quản lý (nhân sự, tài chính, y tế) đến các kỹ năng thiết kế bài giảng điện tử, đặc biệt là ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào sáng tạo học liệu số cho trẻ mầm non. Các hình thức tập huấn được tổ chức linh hoạt như trực tiếp tại hội trường hoặc trực tuyến qua Zoom, Google Meet, giúp đội ngũ giáo viên luôn được cập nhật những xu hướng công nghệ giáo dục tiên tiến nhất. Tuy nhiên tỷ lệ tham gia tập huấn đạt tuyệt đối nhưng khả năng hấp thụ và chuyển hóa kiến thức từ lý thuyết sang kỹ năng thực hành thực tế giữa các giáo viên vẫn chưa đồng đều do sự khác biệt về nền tảng công nghệ và độ tuổi một số nội dung tập huấn chuyên sâu về quản trị hệ thống phức tạp đôi khi còn gây áp lực và đòi hỏi nhiều thời gian tự học tự nghiên cứu hơn đối với nhóm giáo viên lớn tuổi.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã đạt được sự đồng thuận và quyết tâm cao trong toàn đội ngũ khi duy trì tỷ lệ giáo viên tham gia tập huấn về chuyển đổi số đạt mức tuyệt đối 100% tạo nên một môi trường học tập suốt đời đầy hứng khởi và trách nhiệm.

Điểm sáng nổi bật chính là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa việc cử cán bộ đi học tập theo kế hoạch của ngành với việc tổ chức các chuyên đề bồi dưỡng tại chỗ mang tính thực chiến cao giúp giáo viên có thể ứng dụng ngay kiến thức về AI và

học liệu số vào các giờ lên lớp thực tế hằng ngày

Chính tinh thần tự học và sự hỗ trợ nhiệt thành giữa các đồng nghiệp đã biến những buổi tập huấn khô khan thành không gian chia sẻ kinh nghiệm đầy sáng tạo giúp nhà trường luôn giữ vững vị thế là đơn vị tiên phong trong việc cập nhật các xu hướng công nghệ giáo dục hiện đại nhất của phường.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ tham gia tập huấn đạt tuyệt đối nhưng khả năng hấp thụ và chuyển hóa kiến thức từ lý thuyết sang kỹ năng thực hành thực tế giữa các giáo viên vẫn chưa đồng đều do sự khác biệt về nền tảng công nghệ và độ tuổi một số nội dung tập huấn chuyên sâu về quản trị hệ thống hoặc kỹ thuật đồ họa phức tạp đôi khi còn gây áp lực và đòi hỏi nhiều thời gian tự học tự nghiên cứu hơn đối với nhóm giáo viên lớn tuổi..

4. Kế hoạch cải tiến

Trong năm học nhà trường sẽ thay đổi phương thức bồi dưỡng từ tập huấn lý thuyết tập trung sang mô hình thực hành nhóm nhỏ theo từng trình độ để giáo viên lớn tuổi không bị áp lực về tốc độ và có thể làm chủ các kỹ năng công nghệ cốt lõi một cách chắc chắn. Nhà trường tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả của đội ngũ giáo viên nòng cốt thông qua việc thiết lập các buổi chia sẻ mẹo công nghệ ngắn gọn dễ hiểu giúp chuyển hóa các nội dung đồ họa phức tạp thành những thao tác đơn giản trên các nền tảng thân thiện như Canva hay các ứng dụng AI hỗ trợ soạn giảng tự động

Ban Giám hiệu sẽ ưu tiên khen thưởng và động viên kịp thời những bước tiến dù là nhỏ nhất của nhóm giáo viên còn hạn chế nhằm xây dựng tâm lý tự tin và khích lệ tinh thần tự học tự nghiên cứu giúp mỗi cá nhân dần làm chủ được các tính năng chuyên sâu của phần mềm mà không cảm thấy bị bỏ lại phía sau trong dòng chảy chuyển đổi số của đơn vị.

5. Kết luận về tiêu chí

Chỉ số	Điểm số
Chỉ số 1	8
Chỉ số 2	10
Tổng điểm	18

Tiêu chí 4: Đạt mức độ 3

Kết luận tiêu chí 4:

Qua quá trình TĐG tại tiêu chí 4 phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số có những điểm mạnh nổi bật sau:

Nhà trường đã xây dựng được một đội ngũ giáo viên có tư duy mở và sự

nhảy bèn vượt trội với công nghệ mới khi chủ động đưa trí tuệ nhân tạo AI vào sáng tạo học liệu giúp các hoạt động giáo dục trẻ trở nên cá nhân hóa và đặc biệt sinh động hấp dẫn. Chính chiến lược bồi dưỡng bài bản và xuyên suốt đã giúp nhà trường duy trì tỷ lệ giáo viên thành thạo kỹ năng số ở mức rất cao tạo nên một cộng đồng học tập nòng cốt sẵn sàng chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau trong việc làm chủ các nền tảng quản trị cũng như thiết kế bài giảng hiện đại

Sự chuyển mình mạnh mẽ của đội ngũ từ nhận thức đến hành động chính là nhân tố quyết định giúp nhà trường không chỉ đạt được các chỉ tiêu về chuyển đổi số mà còn tạo ra giá trị thực chất trong việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ đáp ứng xuất sắc yêu cầu đổi mới của ngành trong giai đoạn hiện nay.

Bên cạnh điểm mạnh còn điểm yếu sau:

Khả năng hấp thụ công nghệ chuyên sâu và tốc độ chuyển hóa kiến thức từ tập huấn sang thực hành giữa các độ tuổi giáo viên chưa đạt được sự đồng đều tuyệt đối dẫn đến một vài cá nhân vẫn còn tâm lý e ngại trước các ứng dụng đồ họa hoặc quản trị hệ thống phức tạp.

V. Nhóm tiêu chí 5: Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu

Nhà trường đã quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin và trang thiết bị phục vụ quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo hướng đồng bộ, thiết thực. Hệ thống mạng, máy tính và thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng yêu cầu, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Tiêu chí 5.1. Tỷ lệ phòng học có thiết bị hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet:

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện mục tiêu ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục, nhà trường đã ưu tiên nguồn lực đầu tư, nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất và thiết bị công nghệ hiện đại.

Hiện nay, 100% các nhóm, lớp (13/13 phòng học) đã được trang bị tivi thông minh màn hình lớn và hệ thống Internet tốc độ cao (Wi-Fi/LAN) lắp đặt tại chỗ. Hệ thống đường truyền được duy trì ổn định, đảm bảo cho giáo viên khai thác thông suốt các học liệu số, kho bài giảng tương tác và các ứng dụng giáo dục trực tuyến. Việc sử dụng tivi kết nối Internet đã trở thành hoạt động thường xuyên trong các giờ học, giúp chuyển tải nội dung giáo dục một cách trực quan, sinh động, kích thích sự hứng thú và phát triển tư duy của trẻ.

Bên cạnh thiết bị tại lớp, nhà trường còn quản lý và khai thác hiệu quả 04

máy chiếu, 01 màn hình hiển thị chuyên dụng. Các thiết bị này được sử dụng linh hoạt trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, tập huấn đổi mới phương pháp dạy học và tổ chức các chuyên đề cấp trường/cụm.

Công tác quản lý, bảo trì thiết bị được thực hiện nghiêm túc theo quy định. Nhà trường có sổ theo dõi tài sản, đảm bảo 100% thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt, không có hiện tượng hư hỏng kéo dài gây gián đoạn công tác chăm sóc, giáo dục trẻ [H5-5.1-01]. Tuy nhiên Mặc dù 100% phòng học đã có tivi và internet, tuy nhiên tốc độ đường truyền tại một số thời điểm cao điểm còn chưa ổn định tuyệt đối.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã khẳng định được sự quyết tâm trong việc thực hiện chuyển đổi số thông qua việc hoàn thành mục tiêu 100% các nhóm, lớp (13/13 lớp) được trang bị tivi thông minh và kết nối Internet ổn định. Đây là nền tảng quan trọng giúp giáo viên chủ động, linh hoạt trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy, đưa các học liệu số sinh động vào hoạt động nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Đội ngũ giáo viên có tinh thần trách nhiệm cao, sử dụng thành thạo các thiết bị công nghệ hiện có để khai thác kho tư liệu trực tuyến, giúp trẻ được tiếp cận với môi trường giáo dục trực quan và hiện đại. Bên cạnh đó, việc quản lý và bảo trì thiết bị được thực hiện bài bản, đảm bảo cơ sở vật chất luôn trong tình trạng hoạt động tốt, phục vụ kịp thời nhu cầu học tập và vui chơi của trẻ.

3. Điểm yếu

100% phòng học đã có tivi và internet, tuy nhiên tốc độ đường truyền tại một số thời điểm cao điểm còn chưa ổn định tuyệt đối.

4. Kế hoạch cải tiến:

Trong năm học tới, nhà trường sẽ tiến hành nâng cấp gói băng thông Internet và lắp đặt bổ sung các thiết bị kích sóng để đảm bảo đường truyền ổn định tại 100% các lớp học. Đồng thời, nhà trường tích cực tham mưu với cơ quan cấp trên và huy động các nguồn lực xã hội hóa để từng bước đầu tư hệ thống máy tính cho phòng Vi tính và các phòng học, phân đầu thay thế việc giáo viên sử dụng máy tính cá nhân bằng thiết bị cố định tại lớp để nâng cao tính chuyên nghiệp trong giảng dạy.

Tiêu chí 5.2: Máy tính, máy in kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non:

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã quan tâm đầu tư và trang bị hệ thống thiết bị công nghệ nhằm hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn. Hiện nay, nhà trường có 07 máy tính kết nối Internet và 05 máy in, được bố trí khoa

học tại phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, phòng Hành chính và bộ phận chuyên môn. Hệ thống này cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc, giúp cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản, quản lý hồ sơ sổ sách và cập nhật dữ liệu thường xuyên trên các phần mềm quản lý của ngành. Đồng thời, đây cũng là công cụ hỗ trợ giáo viên trong việc khai thác học liệu số, thiết kế các hoạt động giáo dục sinh động cho trẻ [H5-5.2-02]. Tuy nhiên, một số máy tính đã được trang bị từ lâu nên cấu hình thấp, tốc độ xử lý chậm, hoạt động chưa ổn định, thường phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã trang bị đầy đủ hệ thống máy tính, máy in và kết nối Internet tại tất cả các bộ phận then chốt (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Hành chính và bộ phận chuyên môn), tạo điều kiện thuận lợi để hiện đại hóa công tác quản trị. Việc ứng dụng triệt để các phần mềm quản lý của ngành, thực hiện báo cáo trực tuyến và khai thác học liệu số được thực hiện nền nếp, giúp nâng cao độ chính xác và kịp thời trong công việc. Đặc biệt, công tác quản lý, bảo quản và rà soát thiết bị được nhà trường thực hiện thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo duy trì tốt công năng sử dụng của thiết bị, phục vụ đắc lực cho các hoạt động chuyên môn và nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

3. Điểm yếu

Một số máy tính đã được trang bị từ lâu nên cấu hình thấp, tốc độ xử lý chậm, hoạt động chưa ổn định, thường phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng.

4. Kế hoạch cải tiến

Nhà trường sẽ tiến hành kiểm kê, phân loại và lập kế hoạch bảo trì, nâng cấp linh kiện cho các máy tính cấu hình thấp để đáp ứng tạm thời nhu cầu công việc. Trong giai đoạn 2026-2027, nhà trường tích cực tham mưu cấp trên đầu tư thay thế các thiết bị đã lỗi thời bằng máy tính mới có cấu hình hiện đại, đảm bảo sự ổn định và nâng cao hiệu suất công tác quản lý, chuyên môn.

5. Kết luận về tiêu chí

Chỉ số	Điểm số
Chỉ số 1	4
Chỉ số 2	4
Tổng điểm	8

Tiêu chí 5: Đạt mức độ 3

Kết luận tiêu chí 5:

Qua quá trình TĐG tại tiêu chí 5 : Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ có những điểm mạnh nổi bật sau:

Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư tương đối đồng

bộ, đảm bảo phục vụ hiệu quả công tác quản trị và chuyên môn; các trang thiết bị phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được trang bị đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định; việc khai thác, sử dụng thiết bị được thực hiện thường xuyên, đúng mục đích, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; đội ngũ cán bộ, giáo viên có ý thức sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị, từng bước đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của ngành.

Bên cạnh những điểm mạnh, nhà trường còn một số hạn chế:

Hạ tầng và thiết bị chưa đồng bộ, một số thiết bị xuống cấp; việc khai thác, sử dụng chưa hiệu quả; kinh phí đầu tư, bảo trì còn hạn chế; kỹ năng ứng dụng công nghệ của một bộ phận giáo viên chưa đồng đều.

PHẦN III

KẾT LUẬN CHUNG

Trên báo TĐG mức độ chuyển đổi số của Trường Mầm non Ninh Phúc, phường Đông Hoa Lư theo Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non của Bộ GDĐT. Trong quá trình thực hiện công tác tự đánh giá, nhà trường đã nghiêm túc tuân theo các bước thực hiện, sử dụng toàn bộ dữ liệu và phân tích, đánh giá một cách trung thực, khách quan, bám sát nội hàm các chỉ số, tiêu chí trong bộ chuẩn.

Kết quả tự đánh giá

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt mức 1, mức 2, mức 3:

- Số lượng và tỷ lệ tiêu chí đạt Mức độ 1: 0 tiêu chí, tỉ lệ 0%
- Số lượng và tỷ lệ tiêu chí đạt Mức độ 2: 0 tiêu chí, tỉ lệ 0%
- Số lượng và tỷ lệ tiêu chí đạt Mức độ 3: 5/5 đạt 100%
- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục:

+ Tiêu chí 2: 58

+ Tiêu chí 3: 11

+ Tiêu chí 4: 18

+ Tiêu chí 5: 8

Tổng: 95 điểm đạt Mức độ 3

- Mức tự đánh giá của Trường Mầm non Ninh Phúc: Đạt Mức độ 3

Trường Mầm non Ninh Phúc đề nghị đạt mức độ chuyển đổi số Mức độ 3.

Đông Hoa Lư, ngày 23 tháng 04 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Đàm Thị Thu

Phần IV. PHỤ LỤC
Danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành- Các đường link cụ thể	Nơi ban hành, người thực hiện	Ghi chú
Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CDS)						
Tiêu chí 1	1	[H1-1- 01]	Trang website	https://c0ninhphuc.ninhbinh.edu.vn/wp-admin/edit.php		
	2	[H1-1-02]	<p>Quyết định về việc thành lập Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số Trường Mầm non Ninh Phúc năm học 2025–2026.</p> <p>Kế hoạch việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2025–2026.</p> <p>Quyết việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng các ứng dụng CNTT chuyển đổi số phục vụ công tác quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường.</p> <p>Quyết định việc thành lập Hội đồng tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025–2026.</p> <p>Kế hoạch việc thực hiện tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025–2026</p>	<p>Quyết định số 121/QĐ-TrMN ngày 19/9/2025</p> <p>Kế hoạch số 122/KH-TrMN ngày 19/9/2025</p> <p>Quyết định số 122b/QĐ-TrMN ngày 19/9/2025</p> <p>Quyết định số 40/QĐ-TrMN ngày 17/03/2026</p> <p>Kế hoạch số 41/KH-TrMN ngày 17/03/2026</p>	Trường MN Ninh Phúc; CBGVNV	Hồ sơ UDCNTT

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành- Các đường link cụ thể	Nơi ban hành, người thực hiện	Ghi chú
Nhóm Tiêu chí II	Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ					
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Phần mềm Quản lý nhà trường Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://vtsmas.vn/	Trường MN Ninh Phúc; CBGVNV	
	2	[H2-2.1-02]	Hệ thống đồng bộ dữ liệu ngành,tỉnh Ninh Bình Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://dongbo.csdl.edu.vn/dashboard		
	3	[H2-2.1-03]	Phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành Bộ Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://csdl.moet.gov.vn/		
	4	[H2-2.1-04]	Phần mềm phổ cập giáo dục Bộ Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://pcgd.vn/		
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Quản lý thông tin sức khỏe bằng hình thức kết hợp giữa hồ sơ giấy		Trường MN Ninh Phúc; CBGVNV	Hồ sơ y tế
	2		Phần mềm Quản lý nhà trường Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://vtsmas.vn/		[H2- 2.1-01]
	3		Hệ thống đồng bộ dữ liệu ngành,tỉnh Ninh Bình Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://dongbo.csdl.edu.vn/dashboard		[H2-2.1-02]
	4		Phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành Bộ Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://csdl.moet.gov.vn/		[H2-2.1-03]
Tiêu chí 2.3	1	[H2 -2.3-01]	Phần mềm quản lý CB-CC-VC Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://ccvc.ninhbinh.gov.vn/	Trường MN Ninh Phúc; CBGVNV	
	2		Phần mềm quản lý nhà trường Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://vtsmas.vn/	Trường MN Ninh Phúc;	[H2- 2.1-01]
	3		Hệ thống đồng bộ dữ liệu	https://dongbo.csdl.edu.vn/dashboard		[H2-2.1-02]

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành- Các đường link cụ thể	Nơi ban hành, người thực hiện	Ghi chú
			ngành, tỉnh Ninh Bình Dữ liệu trên hệ thống phần mềm		CBGVNV	
	4		Phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành Bộ Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://csdl.moet.gov.vn		[H2-2.1-03]
Tiêu chí 2.4	1		Phần mềm quản lý nhà trường Hệ thống đồng bộ dữ liệu ngành, tỉnh Ninh Bình Cơ sở dữ liệu ngành Bộ Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://vtsmas.vn/ https://dongbo.csdl.edu.vn/dashboard https://csdl.moet.gov.vn	Trường MN Ninh Phúc; CBGVNV	[H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.2-03]
Tiêu chí 2.5	2		Phần mềm phổ cập giáo dục của Bộ Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://pcgd.moet.gov.vn/	Trường MN Ninh Phúc; CBGVNV	[H2-2.1-04]
	1	[H2-2.6-01]	Phần mềm kế toán MISA như MISA Mimosa Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://mimosaapp.misa.vn	Trường MN Ninh Phúc; kế toán	
Tiêu chí 2.6	2	[H2-2.6-02]	Phần mềm nghiệp vụ hạch toán kế toán, quản lý thu – chi Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	http://emisapp.misa.vn		
	3	[H2-2.6-03]	Phần mềm bảo hiểm xã hội Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	http://vbhxxh.viettel.vn/	Trường MN Ninh Phúc; kế toán	
	4	[H2-2.6-04]	Phần mềm MISA Quản lý tài sản Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://qltsapp.misa.vn		
	5	[H2-2.6-05]	Phần mềm Quản lý tài sản công của Bộ Tài chính Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://qlts.mof.gov.vn		
Tiêu chí	1	[H2-2.7-01]	Phần mềm quản lý văn bản và điều hành điện tử	https://qlvbdh.ninhbinh.gov.vn/	Trường MN Ninh Phúc;	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành- Các đường link cụ thể	Nơi ban hành, người thực hiện	Ghi chú
2.7			Dữ liệu trên hệ thống phần mềm		Văn thư	
Tiêu chí 2.8	1	[H2-2.8-01]	Phần mềm Quản lý mầm non PMS Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	https://qlmn.vn/	Trường MN Ninh Phúc; CBGVNV Kế toán	
	2		Trang website	https://c0ninhphuc.ninhbinh.edu.vn/wp-admin/edit.php	Trường MN Ninh Phúc; CBGVNV; Văn thư	[H1-1-01]
Tiêu chí 2.9	1	[H2-2.9-01]	Phần mềm chuyên dụng Dữ liệu trên hệ thống phần mềm	Canva, Capcut, Microsoft PowerPoint, Audacity, Adobe Photoshop, CorelDRAW cùng kho dữ liệu YouTube để thiết kế bài giảng điện tử, xây dựng video	Trường MN Ninh Phúc; CBGV	
Tiêu chí 2.10	1		Trang website	https://c0ninhphuc.ninhbinh.edu.vn/wp-admin/edit.php	Trường MN Ninh Phúc; CBGVNV; Văn thư	[H1-1-01]
	2	[H2-2.10-01]	Nhóm zalo của các lớp CMHS phối hợp với cô giáo, nhà trường trong hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ	Hình ảnh, video	Trường MN Ninh Phúc; CBGVNV; CMHS	
Tiêu chí 2.11	1		Trang website; zalo của các lớp	Hình ảnh, video	Trường MN Ninh Phúc; CBGV	[H1-1-01]; [H2-2.10-01]

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành- Các đường link cụ thể	Nơi ban hành, người thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 2.12	1		Phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành Bộ Phần mềm quản lý nhà trường Hệ thống đồng bộ dữ liệu ngành, tỉnh Ninh Bình	https://csdl.moet.gov.vn https://vtsmas.vn/ https://dongbo.csdl.edu.vn/dashboard	Trường MN Ninh Phúc; CBGVNV	[H2-2.1-03]; [H2-2.1-01]; [H2-2.10-02]
Tiêu chí 2.13	1		Quyết việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng các ứng dụng CNTT chuyển đổi số phục vụ công tác quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường.	Quyết định số 122b/QĐ-TrMN ngày 19/9/2025	Trường MN Ninh Phúc; CBGVNV	[H1-1-02]
	2		Trang Website Bảng tuyên truyền của lớp, trường Biên bản họp Hình ảnh họp	https://c0ninhphuc.ninhbinh.edu.vn/wp-admin/edit.php		[H2-1-01]
Nhóm tiêu chí III	Triển khai dịch vụ trực tuyến:					
Tiêu chí 3.1	1		Trang website; Fanpage; zalo của các lớp	https://c0ninhphuc.ninhbinh.edu.vn/wp-admin/edit.php Hình ảnh; video	Trường MN Ninh Phúc; CBGV	[H2-1-01]; [H2-2.10-01]
	2	[H3-3.1-01]	Hệ thống tuyển sinh trực tuyến	https://ninhbinh.tsdv.vnedu.vn/	Trường MN Ninh Phúc; CBGVNV	
Tiêu chí 3.2	1		Trang website; Fanpage Zalo các nhóm/lớp	https://c0ninhphuc.ninhbinh.edu.vn/wp-admin/edit.php Hình ảnh; video	Trường MN Ninh Phúc; CBGV	H2-1-01]; [H2-2.10-01]
Tiêu	1		Phần mềm kế toán MISA	https://emisapp.misa.vn	Trường MN	[H2-2.6-01]

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành- Các đường link cụ thể	Nơi ban hành, người thực hiện	Ghi chú
chí 3.3			Dữ liệu trên hệ thống phần mềm Danh sách CMHS nộp tiền qua tài khoản ngân hàng.		Ninh Phúc; Kế toán; CMHS	
Nhóm tiêu chí IV	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số:					
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Danh sách giáo viên sử dụng ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. DS CBGVNV có chứng chỉ UDCNTTCB; DS các ứng dụng, phần mềm đã triển khai Hình ảnh, bài giảng có UDCNTT(bài giảng Powerpoint, video, link youtube.....)	Danh sách giáo viên; PowerPoint, Canva; Wordwall, Quizizz; YouTube Kids; Al...	Trường MN Ninh Phúc; CBGVNV	Hồ sơ QL chuyên môn
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Công văn tập huấn Danh sách giáo viên tham gia tập huấn Nghị quyết sinh hoạt CM Khoá học “Khung năng lực số cho giáo viên” do Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai trên Công đào tạo trực tuyến	Hình ảnh tập huấn; Bài giảng Powerpoint, video.. https://ninbinhedu.cls.vn	Trường MN Ninh Phúc; CBGVNV	Hồ sơ QL chuyên môn
Nhóm tiêu chí V	Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ					

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành- Các đường link cụ thể	Nơi ban hành, người thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Danh mục thiết bị các phòng học, phòng chức năng.... Sổ theo dõi tài sản thiết bị Hình ảnh thiết bị nghe nhìn các nhóm/lớp; Nhà trường		Trường MN Ninh Phúc; CBGVNV	Hồ sơ quản lý tài sản, CSVC
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-02]	Hợp đồng Internet Số lượng máy tính các phòng Hình ảnh thiết bị văn phòng		Phòng hành chính; kế toán	

